

BÁO CÁO

THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CÔNG KHAI TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TDTT HÀ NỘI NĂM HỌC 2025 – 2026

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHÀ TRƯỜNG

1. Tên cơ sở giáo dục:

- Tên tiếng việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI
- Tên tiếng anh: Hanoi University Of Physical Education and Sports

2. Địa chỉ trụ sở trường

- Tổ dân phố Phụng Đồng - Phường Chương Mỹ - Thành phố Hà Nội
- Trang thông tin điện tử của Trường: <https://hupes.edu.vn>
- Thư điện tử: tdh@moet.edu.vn. Điện thoại: 02433.866.058.

3. Loại hình của cơ sở giáo dục

Trường công lập, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. *Sứ mạng*: Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, phát triển nhân tài, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển giao tri thức, phục vụ xã hội, đất nước, nhân loại.

4.2. *Tầm nhìn*: Đến năm 2045, trở thành cơ sở đào tạo giáo dục thể chất hàng đầu Việt nam và khu vực, giữ vai trò nòng cốt đào tạo giáo viên giáo dục thể chất cho hệ thống giáo dục quốc gia; phát triển theo hướng đại học thông minh, hiện đại, hội nhập và tiên phong kiến tạo chuẩn mực đại học hiện đại, đa ngành, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục và xã hội trong kỷ nguyên số.

4.3. *Mục tiêu*: Xây dựng Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội trở thành cơ sở giáo dục đại học hiện đại đa ngành. Hình thành hệ sinh thái giáo dục toàn diện, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, chất lượng cao, có đạo đức nghề nghiệp, tư duy sáng tạo, có khả năng thích ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục, phát triển khoa học công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong kỷ nguyên mới.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội, thành lập năm 1961, là cơ sở đào tạo đầu tiên tại Việt Nam, giữ vai trò trụ cột quốc gia trong lĩnh vực giáo dục thể chất. Trải qua 65 năm phát triển gắn liền với các chiến lược lớn của đất nước, Nhà trường giữ vai trò nòng cốt trong đào tạo giáo viên, cán bộ thể thao, huấn luyện viên và giáo viên giáo dục quốc phòng – an ninh; đồng thời là trung tâm nghiên cứu khoa học, tư vấn chính sách và hợp tác quốc tế có uy tín. Việc liên tục được nâng cấp và phát triển khẳng định vai trò không thể thay thế của nhà Trường trong hệ thống giáo dục quốc dân và trong tiến trình nâng cao thể lực, tầm vóc con người Việt Nam. Cụ thể:

Năm 1961: Đổi tên thành Trường Trung cấp Thể dục Thể thao;

Năm 1970: Giao thêm nhiệm vụ đào tạo giáo viên Âm nhạc - Hội họa, đổi tên thành Trường Sư phạm Thể dục – Nhạc – Họa Trung ương

Năm 1981: Nâng cấp thành Trường Cao đẳng sư phạm Thể dục - Nhạc - Họa Trung ương;

Năm 1985: Tách thành Trường cao đẳng Sư phạm Thể dục Trường ương số I;

Năm 1994: Thành lập Trung tâm Giáo dục Quốc phòng Hà Nội I (nay là Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh) trực thuộc trường;

Năm 2003: Nâng cấp thành Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Tây theo Quyết định số 83/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Năm 2008: Đổi tên thành Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội theo Quyết định số 164/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ:

- Họ và tên: Nguyễn Duy Quyết

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Số điện thoại: 02433.866.058 ; Địa chỉ thư điện tử: Ndquyet.tdh@moet.edu.vn

- Địa chỉ nơi làm việc: Tổ dân phố Phương Đồng, Phường Chương Mỹ, Hà Nội

7. Tổ chức bộ máy;

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục;

- Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội, tiền thân là Trường Thể dục Thể thao, thuộc Bộ Giáo dục, thành lập ngày 27/02/1961, tại Quyết định số 99/QĐ, ngày 27/02/1961,... Năm 1981, Trường được nâng cấp và đổi tên thành: Trường Cao đẳng sư phạm

Thể dục - Nhạc - Họa Trung ương; Năm 1985, Trường Cao đẳng Sư phạm Thể dục - Nhạc - Họa Trung ương thành 02 trường, đó là: Trường Cao đẳng Sư phạm Thể dục Trung ương số 1 và Trường Cao đẳng Sư phạm Nhạc - Họa Trung ương tại Quyết định số 261/HĐBT, ngày 07/11/1985.

- Năm 2003, Trường được Thủ tướng Chính phủ nâng cấp và đổi tên Trường Cao đẳng Sư phạm Thể dục Trung ương số 1 thành Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Tây tại Quyết định số 83/QĐ-TTg, ngày 05/5/2003.

- Năm 2008, Trường được đổi tên thành Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội tại Quyết định số 1647/QĐ-TTg, ngày 14/11/2008

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

- Quyết định số 3913/QĐ-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hội đồng trường nhiệm kỳ 2024-2029

- Quyết định số 3914/QĐ-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường nhiệm kỳ 2024-2029.

Danh sách thành viên Hội đồng trường:

- Ông Phùng Xuân Dũng, Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch Hội đồng trường.
- Ông Nguyễn Duy Quyết, Hiệu trưởng.
- Ông Nguyễn Mạnh Toàn, Phó Hiệu trưởng.
- Ông Hương Xuân Nguyên, Phó Hiệu trưởng.
- Ông Lê Học Liêm, Chủ tịch Công đoàn trường, Trưởng phòng ĐBCL-TT&PC.
- Ông Phan Tử Lăng, Phó Giám đốc Trung tâm GDQP&AN.
- Bà Nguyễn Thị Hoài Mỹ, Giám đốc Trung tâm NN - TH Hupes.
- Ông Trần Văn Cường, Trưởng khoa Khoa GDQP&AN.
- Bà Nguyễn Thị Hằng, Phó trưởng phòng, PTrP Phòng QLĐT-KH&HTQT.
- Ông Nguyễn Thanh Đề, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Thể chất.
- Ông Nguyễn Anh Tuấn, Trưởng Ban đào tạo Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Ông Lê Anh Thơ, Nguyên Vụ trưởng Vụ Thể dục Thể thao Quần chúng, Ủy ban Thể dục Thể thao.

- Ông Nguyễn Thế Hào, Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Hà Đông.

- Ông Nguyễn Hồng Minh, Phó Cục trưởng Cục Thể dục Thể thao.

- Sinh viên Nguyễn Bích Ngọc, Ủy viên BCH Đoàn.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- Quyết định số 1216/QĐ-BGDĐT ngày 18/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội đối với ông Nguyễn Duy Quyết.

- Quyết định số 1363/QĐ-BGDĐT ngày 25/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội đối với ông Phùng Xuân Dũng

- Quyết định số 1364/QĐ-BGDĐT ngày 25/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội đối với ông Hướng Xuân Nguyên.

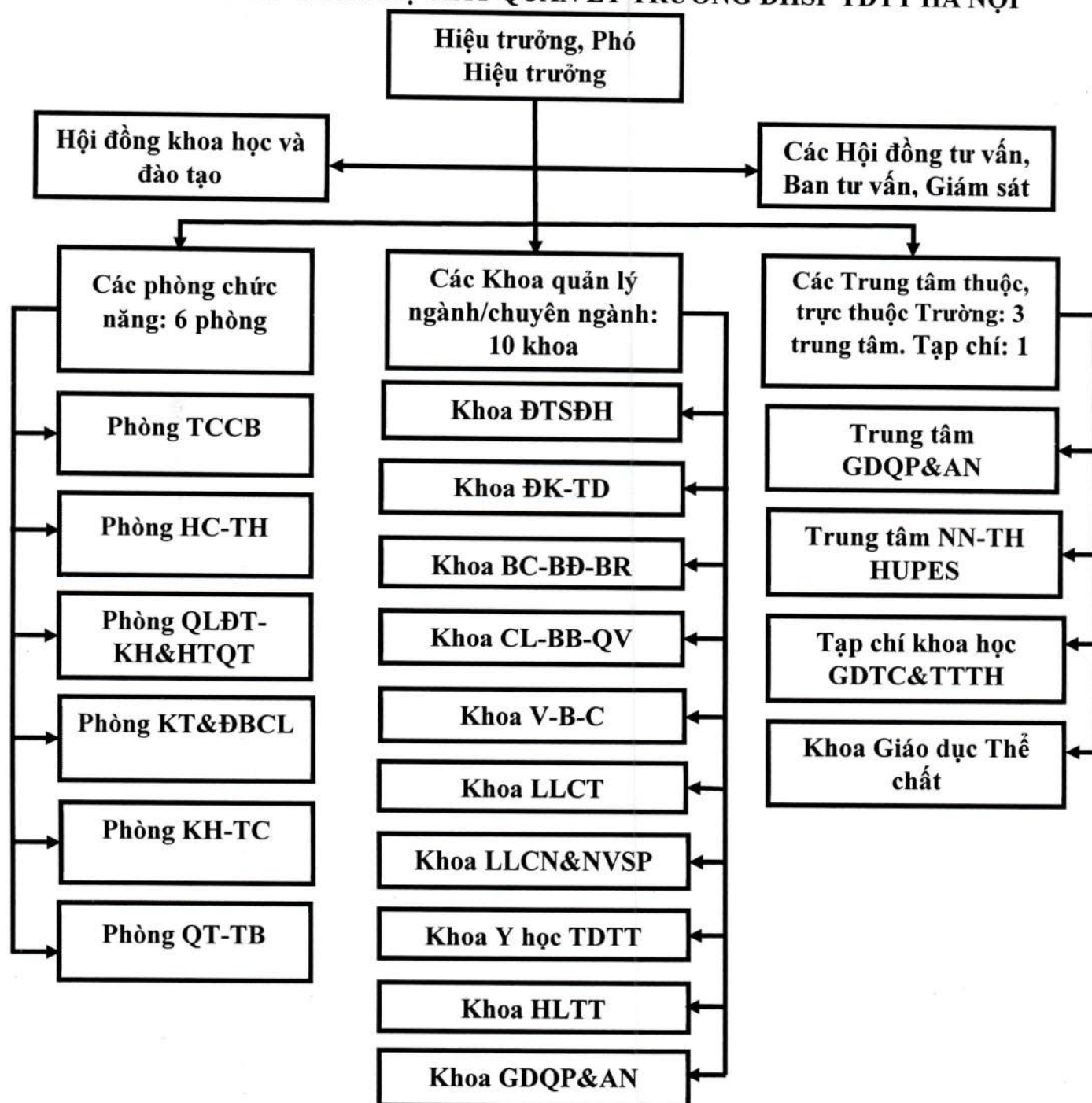
- Quyết định số 1365/QĐ-BGDĐT ngày 25/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội đối với ông Nguyễn Mạnh Toàn.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên ; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

- Quyết định số 526/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 01/6/2026 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội.

- Quyết định số 596/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 8/8/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị thuộc Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ TRƯỜNG ĐHSPTDĐT HÀ NỘI



d) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên:

- Nghị quyết số 56/NQ-HĐT ngày 30/10/2025 của Hội đồng Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội về việc sáp nhập Trung tâm Hỗ trợ đào tạo và Bồi dưỡng vào Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học.

- Nghị quyết số 57/NQ-HĐT ngày 30/10/2025 của Hội đồng Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội về việc thành lập Khoa Giáo dục thể chất.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục:

*** Ban Giám Hiệu:**

1. Họ và tên: Nguyễn Duy Quyết

- Chức vụ: Hiệu trưởng - Giám đốc TT GDQP&AN

- Số điện thoại: 098.953.1668 ; Địa chỉ thư điện tử: daotaotd@gmail.com

- Địa chỉ nơi làm việc: Phòng Hiệu trưởng - Giám đốc trung tâm GDQP&AN, Nhà 9 tầng trường ĐHSP TDTT Hà Nội, Chương Mỹ - Hà Nội

2. Họ và tên: Phùng Xuân Dũng

- Chức vụ: Bí thư Đảng ủy - Phó Hiệu trưởng

- Số điện thoại: 096.600.6768 ;Địa chỉ thư điện tử: phungxuandungtdtt@gmail.com

- Địa chỉ nơi làm việc: Phòng Bí thư Đảng ủy - Phó Hiệu Trưởng, Nhà 9 tầng trường ĐHSP TDTT Hà Nội, Chương Mỹ - Hà Nội

2. Họ và tên: Hường Xuân Nguyên

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0948762589 ; Địa chỉ thư điện tử: daotaotd@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Phòng Phó Hiệu trưởng, Nhà 9 tầng trường ĐHSP TDTT Hà Nội, Chương Mỹ - Hà Nội

3. Họ và tên: Nguyễn Mạnh Toàn

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0914821979 ; Địa chỉ thư điện tử: nguyenmanhtoantdt@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Phòng Phó Hiệu trưởng, Nhà 9 tầng trường ĐHSP TDTT Hà Nội, Chương Mỹ - Hà Nội

*** Lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc trường**

- Phòng Tổ chức cán bộ:

Họ và tên: Nguyễn Thành Chung

Chức vụ: Trưởng phòng

Số điện thoại: 086.896.9938 ; Địa chỉ thư điện tử: thanhchung2691982@gmail.com

- Phòng Quản lý đào tạo – Khoa học và Hợp tác quốc tế:

Họ và tên: Nguyễn Thị Hằng

Chức vụ: Phó trưởng phòng - Phụ trách phòng

Số điện thoại: 098.210.2876 ;Địa chỉ thư điện tử: nhang2876@gmail.com

- Phòng Kế hoạch tài chính

Họ và tên: Lê Quốc Trung

Chức vụ: Trưởng phòng

Số điện thoại: 097.395.4445 ; Địa chỉ thư điện tử: letrung09@gmail.com

- Phòng Hành chính tổng hợp

Họ và tên: Nguyễn Minh Tư

Chức vụ: Trưởng phòng

Số điện thoại: 096.142.1970 ;Địa chỉ thư điện tử: mtu.tdh@moet.edu.vn

- Phòng Quản trị thiết bị

Họ và tên: Trịnh Duy Bình

Chức vụ: Trưởng phòng

Số điện thoại: 091.499.2369 ;Địa chỉ thư điện tử: duybinhtt@gmail.com

- Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng

Họ và tên: Lê Học Liêm

Chức vụ: Trưởng phòng

Số điện thoại: 093.438.8388 ;Địa chỉ thư điện tử: lhliem.hupes@moet.edu.vn

- Khoa Giáo dục Quốc phòng và An ninh

Họ và tên: Trần Văn Cường

Chức vụ: Trưởng khoa

Số điện thoại: 098.388.7282 ;Địa chỉ thư điện tử: cuongbb@gmail.com

- Khoa Điền kinh – Thể dục

Họ và tên: Phạm Anh Tuấn

Chức vụ: Trưởng khoa

Số điện thoại: 096.399.9296 ;Địa chỉ thư điện tử: phamanhtuandk@yahoo.com.vn

- Khoa Đào tạo sau Đại học

Họ và tên: Đỗ Mạnh Hưng

Chức vụ: Trưởng khoa

Số điện thoại: 090.417.1689 ;Địa chỉ thư điện tử: manhhung2973@gmail.com

- Khoa Y học Thể dục thể thao

Họ và tên: Đỗ Anh Tuấn

Chức vụ: Trưởng khoa

Số điện thoại: 098.337.2996 ;Địa chỉ thư điện tử: doanhtuannckh@gmail.com

- Khoa Lý luận chuyên ngành và Nghiệp vụ sư phạm

Họ và tên: Nguyễn Thu Nga

Chức vụ: Trưởng khoa

Số điện thoại: 097.893.3070 ;Địa chỉ thư điện tử: nganvsp@gmail.com

- Khoa Lý luận chính trị

Họ và tên: Lê Thị Vân Liêm ;Địa chỉ thư điện tử: vanliemtdtt@gmail.com

Chức vụ: Trưởng khoa

Số điện thoại: 097.356.3856 ;Địa chỉ thư điện tử: vanliemtdtt@gmail.com

- Khoa Cầu lông – Bóng bàn – Quần vợt

Họ và tên: Mai Thị Ngoãn

Chức vụ: Trưởng khoa

Số điện thoại: 077.322.5888 ;Địa chỉ thư điện tử: ngoanmt71@gmail.com

- Khoa Huấn luyện thể thao

Họ và tên: Mai Tú Nam

Chức vụ: Trưởng khoa

Số điện thoại: 096.956.8265 ;Địa chỉ thư điện tử: namvovn2589@gmail.com

- Khoa Võ - Bơi - Cờ

Họ và tên: Trần Dũng

Chức vụ: Trưởng khoa

Số điện thoại: 091.241.8488 ;Địa chỉ thư điện tử: dungvotdt@gmail.com

- Khoa Bóng chuyên – Bóng đá- Bóng rổ

Họ và tên: Trần Ngọc Minh

Chức vụ: Trưởng khoa

Số điện thoại: 090.203.6333 ;Địa chỉ thư điện tử: ngocminhdhsptdt@gmail.com

- Trung tâm Tin học – Ngoại ngữ

Họ và tên: Nguyễn Thị Hoài Mỹ

Chức vụ: Giám đốc trung tâm

Số điện thoại: 098.542.6959 ;Địa chỉ thư điện tử: hoaimyda1@gmail.com

- Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh

Họ và tên: Nguyễn Minh Tiến

Chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm

Số điện thoại: 090.412.6880; Địa chỉ thư điện tử: thsminhtien68@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Nhà trường đã ban hành và công khai đầy đủ các văn bản quản trị, điều hành theo quy định, gồm: Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2025 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi; các nghị quyết của Hội đồng trường; cùng các thông báo, kế hoạch và văn bản quản lý, điều hành khác.

Các văn bản được công khai kịp thời tại bảng tin của Nhà trường và trên Cổng thông tin điện tử, (<https://www.hupes.edu.vn/media/thong-bao.html>) bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và quyền tiếp cận thông tin của các tổ chức, cá nhân theo quy định.

II. THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu của năm 2025

STT	Mục	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán
A		Quyết toán thu (I+II-III)	121.917.406.432
I		Số dư từ năm trước chuyển sang	143.160.100
II		Tổng số thu (1+2)	123.011.270.113
1		<i>Nguồn NSNN được quyết toán</i>	<i>64.716.777.734</i>
2		<i>Thu HĐSXKD</i>	<i>58.294.492.379</i>
		- Lệ phí tuyển sinh	1.400.270.375
		- Học phí cao học	1.342.200.000
		- Thu dịch vụ thuê CSVC	1.072.233.153
		- Lãi tiền gửi	678.882.375
		- Thu đào tạo liên thông, VLVH	3.577.409.287
		- Thu TT GDQP	20.826.649.500
		- Thu học lại thi lại	2.008.665.150
		- Thu KTX	3.966.329.200
		- Thu dịch vụ đào tạo	1.463.271.160

		- Thu khác	63.357.594
		- Tiền học phí chính quy	8.745.289.511
		- Cấp bù học phí do NSNN cấp theo NĐ 116,86	12.948.360.000
		- Thanh lý cây	201.575.074
III		Số thuế nộp NSNN	1.237.023.781

b) Công khai các khoản chi năm 2025

STT	Mục	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán
B		Tổng chi (I+II)	114.275.742.408
I		Quyết toán chi NSNN (1+2+3)	64.716.777.734
<i>1</i>		<i>Quyết toán chi thường xuyên</i>	<i>21.990.700.000</i>
	6000	Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp theo lương	17.448.793.321
	6100		
	6300	Các khoản đóng góp (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN)	2.623.621.600
	6500	Thanh toán dịch vụ công cộng (tiền điện, tiền nhiên liệu)	1.918.285.079
<i>2</i>		<i>Chi nguồn không thường xuyên</i>	<i>42.726.077.734</i>
		Chi đề tài NCKH cấp Bộ	238.769.700
		Chi đào tạo du học sinh Lào	1.112.608.034
		Trợ cấp sinh viên, chế độ chính sách theo quy định	328.700.000
		Tiền cấp Chi phí sinh hoạt cho sinh viên 116	41.046.000.000
II		Chi từ nguồn chênh lệch thu chi HĐSXĐ	49.558.964.674
	6000	Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp theo lương	8.975.627.049
	6050		2.475.552.680
	6100		5.711.171.611
	6150	Học bổng sinh viên	1.331.100.000
	6250	Phúc lợi tập thể (thuốc y tế, hóa chất phòng bệnh...)	84.185.000

	6300	Các khoản đóng góp (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN)	3.144.204.811
	6500	Thanh toán dịch vụ công cộng (điện, nước...)	2.348.518.794
	6550	Vật tư văn phòng	758.837.583
	6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	371.758.675
	6650	Hội nghị	118.766.050
	6700	Chi công tác phí	607.818.001
	6750	Chi phí thuê mướn	1.987.468.851
	6800	Chi đoàn ra	270.984.134
	6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	2.994.256.247
	6950	Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn	271.018.921
	7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành, chi phí phục vụ các nguồn thu	12.681.750.406
	7750	Chi khác	5.425.945.861

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của các cấp học.

*** Học phí năm học 2025-2026 với các hệ như sau:**

STT	NỘI DUNG	MỨC THU/1 TÍN CHỈ
1	1.1. Đào tạo đại học chính quy	
	Ngành Giáo dục thể chất	481.818
	Ngành Quốc phòng và An ninh	500.787
	Ngành Huấn Luyện thể thao	500.740
	1.2. Đào tạo đại học chương trình 2	
	Ngành Giáo dục thể chất	481.818
	Ngành Quốc phòng và An ninh	500.740

2	Đào tạo đại học liên thông chính quy, liên thông vừa làm vừa học theo tín chỉ	650.000
3	Đào tạo trình độ đại học hệ vừa làm vừa học	
	Ngành Giáo dục thể chất	530.000
	Ngành Huấn Luyện thể thao	550.815
4	Đào tạo thạc sỹ	650.000
5	Đào tạo tiến sỹ	1.100.000

*** Các khoản thu và mức thu ngoài học phí**

- Thu lệ phí tuyển sinh năm học 2025-2026: 500.000 đồng/nv với trường hợp thi tuyển và 30.000 đồng/nv với xét hồ sơ.
- Thu BHYT: 52.650 đồng/tháng; 631.800 đồng/12 tháng; 737.100 đồng/14 tháng và 789.750 đồng/15 tháng
- Thu thi lại: 65.000 đồng/môn; thu học lại : 426.000 đồng/tín chỉ với các lớp trên 5 sinh viên. Các trường khác được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ.
- Tiền ôn thi chuẩn đầu ra tiếng anh B1: 1.800.000 đồng/sv; phí thi chuẩn đầu ra tiếng anh: 1.000.000 đồng/sv
- Thi đẳng cấp VĐV: 150.000 đồng/môn.
- Thu KTX: 200.000 đồng/tháng
- Kinh phí tham gia lớp tập huấn Đoàn đội: 2.000.000đ/sinh viên (theo đăng ký)

Dự kiến học phí năm 2026-2027 sẽ tăng theo mức quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Các khoản thu khác sẽ được thực hiện theo quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp, miễn giảm học phí, học bổng đối với người học.

*** Học bổng**

- Chế độ học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên hệ chính quy (không bao gồm sinh viên hệ liên thông, văn bằng 2, học cùng lúc 2 chương trình) theo quy định của Nhà nước.

Quỹ học bổng = Số sinh viên * Mức học phí 1 tháng của năm học hiện hành * Số tháng * 8%.

Mức học phí xác định theo năm học hiện hành.

- Nguồn kinh phí trích lập quỹ để chi trả học bổng từ nguồn học phí chính quy và NSNN cấp đào tạo sinh viên sư phạm theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP.

- Số tháng được cấp học bổng trong năm học là 10 tháng được chia thành các kỳ theo Quy chế đào tạo.

- Định mức chi trả học bổng loại Khá, Giỏi, Xuất sắc sẽ do Hiệu trưởng quyết định hàng năm.

- Các chế độ học bổng khác thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Nhà trường.

* Trợ cấp, hỗ trợ chi phí học tập:

a) Trợ cấp xã hội

- Thực hiện theo Văn bản hợp nhất 05/VBHN-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ GD&ĐT.

- Trợ cấp xã hội được cấp theo học kỳ và cấp 12 tháng trong năm.

- Mức trợ cấp 1 tháng:

+ Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu và vùng có hoàn cảnh kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 140.000đ/tháng.

+ Các đối tượng còn lại: 100.000đ/tháng.

b) Trợ cấp khó khăn đột xuất:

Nhà trường sẽ xem xét quyết định mức trợ cấp khó khăn đột xuất cho sinh viên theo từng trường hợp cụ thể theo quy định của Trường.

c) Hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo học tại các cơ sở giáo dục đại học:

- Thực hiện theo Quyết định 66/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2014 của liên tịch Bộ GD&ĐT, Bộ Tài chính).

- Hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên dân tộc thiểu số được cấp không quá 10 tháng.

- Mức hỗ trợ chi phí học tập: 60% * Mức lương cơ sở/tháng.

d) Hỗ trợ học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm:

- Thực hiện theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

- Hỗ trợ học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm được cấp không quá 10 tháng.

- Mức hỗ trợ chi phí sinh hoạt: 3.630.000đ/sv/tháng.

đ) Chính sách miễn, giảm học phí

- Thực hiện theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

- Các trường hợp được miễn, giảm học phí ở các mức 100%, 70%, 50% được xét theo quy định.

4. Số dư các quỹ theo quy định (tính đến 31/12/2025)

STT	Nội dung	Số tiền
1	Quỹ khen thưởng	1.070.052.954
2	Quỹ phúc lợi	618.058.664
3	Quỹ bổ sung thu nhập	772.310.468
4	Quỹ phát triển sự nghiệp	7.746.432.872
5	Quỹ hỗ trợ phát triển hoạt động KHCN	4.114.780.022
6	Quỹ cải cách tiền lương	18.469.203.537
7	Quỹ học bổng	1.407.897.879

5. Các nội dung công khai tài chính khác được Phòng Kế hoạch Tài chính thực hiện đầy đủ theo Quy định của Pháp luật.

Phòng Kế hoạch Tài chính đã thực hiện công khai phân bổ dự toán NSNN và các nguồn khác năm 2026 theo đúng quy định của Nhà nước.

Số liệu quyết toán năm 2025 được thực hiện công khai theo Thông báo ngày 24/06/2025 về việc công khai quyết toán thu chi nguồn NSNN, nguồn khác năm 2025. Số liệu quyết toán sau điều chỉnh (nếu có) sẽ được thực hiện công khai sau khi Phòng Kế hoạch Tài chính thực hiện điều chỉnh theo kiến nghị của Vụ Kế hoạch Tài chính trong Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2025.

III. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU

1. Thông tin về ngành, chương trình đào tạo

a) Danh mục ngành đào tạo đang hoạt động và thông tin chi tiết theo yêu cầu về điều kiện mở ngành đào tạo:

*** Trình độ đại học:**

TT	Đơn vị quản lý	Mã ngành	Tên ngành
1	Phòng Quản lý đào tạo – Khoa học và hợp tác quốc tế	7140206	Giáo dục Thể chất
2	Khoa Huấn luyện thể thao	7810302	Huấn luyện thể thao
3	Khoa Giáo dục quốc phòng và An ninh	7140208	Giáo dục Quốc phòng và An Ninh

*** Trình độ thạc sĩ**

TT	Đơn vị quản lý	Mã ngành	Tên ngành
1	Khoa đào tạo sau Đại học	8140101	Giáo dục học

*** Trình độ Tiến sĩ**

TT	Đơn vị quản lý	Mã ngành	Tên ngành
1	Khoa đào tạo sau Đại học	9140101	Giáo dục học

b) Danh mục ngành đào tạo đang hoạt động và thông tin chi tiết theo chuẩn chương trình đào tạo (Chuẩn đầu ra, chuẩn đầu vào, các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo và mẫu văn bằng, chứng chỉ cấp cho người tốt nghiệp cho từng trình độ, ngành và hình thức đào tạo);

*** Trình độ đào tạo đại học**

Ngành Giáo dục thể chất

- Mô hình đào tạo đến năm 2026: Gồm 45 khóa cao đẳng và 23 khóa ĐHCQ và 2 khóa song bằng:

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo Đại học
I	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được.	1. Mục tiêu đào tạo 1.1. Mục tiêu chung Người học tốt nghiệp ngành Giáo dục thể chất có phẩm chất chính trị và đạo đức xã hội chủ nghĩa, có đủ kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, có kỹ năng sư phạm, có năng lực tự chủ và trách nhiệm để giảng dạy tốt môn học giáo dục thể chất ở các cấp học, trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân, nhằm nâng cao kiến thức của người học đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội. 1.2 Mục tiêu cụ thể - Cung cấp cho sinh viên kiến thức tương đối toàn diện về Giáo dục thể chất, TDTT. - Rèn luyện và phát triển kỹ năng trong giảng dạy, huấn luyện, phát triển phong trào... của lĩnh vực Giáo dục thể chất, TDTT. - Bảo đảm cho sinh viên khi tốt nghiệp đạt được trình độ nghiệp vụ, kiến thức xã hội và kiến thức nghề nghiệp đủ để hoạt động và công tác có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn như giảng dạy, huấn luyện... Giáo dục thể chất, Thể dục thể thao ở các Nhà trường và các cơ sở giáo dục tương đương. - Đào tạo giáo viên giảng dạy môn Giáo dục thể chất ở các Nhà trường và các cơ sở giáo dục tương đương.

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo Đại học
		- Đào tạo cán bộ/huấn luyện viên đội tuyển Thể dục thể thao ở các Nhà trường và các cơ sở giáo dục tương đương. - Trang bị cho sinh viên kỹ năng học tập hiệu quả để có thể tự học tập nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức và năng lực ở trình độ cao hơn. 2. Chuẩn đầu ra 2.1. Kiến thức - Vận dụng được kiến thức cơ bản về thể giới quan và phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, âm nhạc và các kiến thức giáo dục đại cương khác để học tập, nghiên cứu và làm việc suốt đời. - Vận dụng được kiến thức cơ bản ở các lĩnh vực lý luận, nghiệp vụ sư phạm, y học TDTT, nghiên cứu khoa học, toán thống kê... vào giáo dục và dạy học giáo dục thể chất, thiết kế chương trình môn học trong nhà trường. - Vận dụng được kiến thức cơ sở lý luận, các phương pháp trong rèn luyện thể lực, kiến thức chuyên sâu các môn thể thao chuyên ngành vào dạy học môn giáo dục thể chất và phát triển phong trào TDTT trong nhà trường. - Phân tích được năng lực, nhu cầu của người học để lựa chọn được hình thức, phương pháp giảng dạy, khối lượng tập luyện cho phù hợp. - Vận dụng được các phương pháp giảng dạy nhằm tăng cường thể chất và phát huy tính tích cực, phát triển kỹ năng và rèn luyện khả năng tự luyện tập của người học, các phương pháp trong rèn luyện thể lực và hình thành kỹ năng của hoạt động thể dục thể thao. 2.2. Kỹ năng - Có kỹ năng thuyết trình, phản biện và xây dựng kế hoạch dạy học, giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học. - Có kỹ năng đánh giá kết quả học tập, xác định sự tiến bộ của người học; từ đó vận dụng phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng người học. - Có kỹ năng huấn luyện và tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa trong và ngoài nhà trường.

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo Đại học
		- Có khả năng nghiên cứu khoa học và ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào giảng dạy giáo dục thể chất và TDTT. - Có kỹ năng thực hành các môn thể thao trong chương trình đào tạo và đạt tiêu chuẩn (hoặc tương đương) vận động viên cấp 2 ở môn thể thao chuyên ngành; tiêu chuẩn vận động viên cấp 3 ở một môn Điền kinh (bắt buộc) và một môn thể thao tự chọn (không trùng với môn chuyên ngành). - Có kỹ năng cơ bản về đánh giá thể chất, dinh dưỡng, xử lý chấn thương, xoa bóp, hồi phục, điều trị bệnh lý cơ bản trong hoạt động thể thao. - Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ tiếng anh (tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT). - Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT). 2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm - Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trong các Nhà trường. Có tính trung thực, đoàn kết, cao thượng trong TDTT. - Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.
II	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	Theo quy định của Nhà nước
III	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	* Khối lượng kiến thức chương trình đào tạo: 136 tín chỉ - Khối kiến thức giáo dục đại cương: 25 tín chỉ. - Khối kiến thức giáo dục chuyên ngành: 111 tín chỉ
IV	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	- Sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục nâng cao trình độ thông qua các chương trình đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo Đại học
V	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp ngành GDTC	- Cán bộ giáo viên, giảng viên giảng dạy, huấn luyện viên, nghiên cứu viên, hướng dẫn viên, cán bộ quản lý... tại các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân, viện nghiên cứu và các đơn vị khác. - Có thể đảm nhận công tác quản lý trong các cơ quan nhà nước về Thể dục thể thao hoặc các lĩnh vực khác.
VI	Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp ngành GDQP&AN	Sinh viên tốt nghiệp ngành Giáo dục Quốc phòng và An ninh có thể đảm nhiệm và đảm nhiệm tốt các vị trí sau: - Giáo viên giảng dạy môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh ở các trường THPT, giảng viên giảng dạy các trường cao đẳng, đại học, trung cấp chuyên nghiệp. - Chuyên viên quản lý môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh ở các sở giáo dục và đào tạo. - Chuyên viên chuyên trách về Quốc phòng và an ninh ở các cơ.

*** Ngành Huấn luyện thể thao**

Danh mục ngành đào tạo: Ngành Huấn luyện thể thao

- Hình thức đào tạo; Đại học chính quy và Vừa làm vừa học

- Mô hình đào tạo đến năm 2026: gồm 4 khóa

+ K1 Huấn luyện thể thao

ĐHCQ: 98 sinh viên - khóa học 2023- 2027 (đào tạo 4 năm)

VLVH: 29 sinh viên - khóa học 2023- 2028 (đào tạo 5 năm)

+ K2 Huấn luyện thể thao.

ĐHCQ: 158 sinh viên - khóa học 2024- 2028 (đào tạo 4 năm)

VLVH: 70 sinh viên - khóa học 2024- 2029 (đào tạo 5 năm)

+ K3 Huấn luyện thể thao.

ĐHCQ: 458 sinh viên - khóa học 2025- 2029 (đào tạo 4 năm)

VLVH: 42 sinh viên - khóa học 2025- 2030 (đào tạo 5 năm)

Chương trình đào tạo:

+ Số học phần : 48

+ Số tín chỉ : 135

+ Số tiết : 2025

Chuẩn đầu ra;

+ Đảm bảo hoàn thành hết số tín chỉ theo quy định

+ Đạt chuẩn đầu ra môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh)

+ Đạt 01 đẳng cấp II môn thể thao chuyên ngành và 02 đẳng cấp III môn tự chọn.

+ Thực hiện đầy đủ các quy định, trách nhiệm và nghĩa vụ của người học.

Ngưỡng đầu vào:

+ Sinh viên đăng ký thi tuyển phải có kết quả xét tuyển học bạ lớp 12 học lực từ trung bình trở lên.

+ Sinh viên đăng ký thi tuyển phải có kết quả xét tuyển học bạ lớp 12 hạnh kiểm từ khá trở lên.

+ Thể hình: Nam cao từ 162 cm trở lên. Nữ cao từ 152cm trở lên.

+ Trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh

Khoa Huấn luyện thể thao chưa có sinh viên tốt nghiệp, nên chưa có sổ liệu cấp văn bằng và các mẫu chứng chỉ khác theo quy định.

*** Ngành Giáo dục Quốc phòng và An ninh**

- Danh mục ngành đào tạo: Ngành Giáo dục Quốc phòng và An ninh

Hình thức đào tạo: Đại học chính quy

Mô hình đào tạo đến năm 2026: Gồm 4 khóa ĐHCQ và 1 khóa Song Bằng:

+ K1 Giáo dục quốc phòng và an ninh

ĐHCQ: 21 sinh viên - khóa học 2022 - 2026 (đào tạo 4 năm)

+ K1 Song Bằng GDTC – GDQP

Song Bằng GDTC – GDQP: 11 sinh viên - khóa học 2023 - 2026

+ K2 Giáo dục quốc phòng và an ninh

ĐHCQ: 19 sinh viên - khóa học 2023 - 2027 (đào tạo 4 năm)

+ K3 Giáo dục quốc phòng và an ninh

ĐHCQ: 25 sinh viên - khóa học 2024 - 2028 (đào tạo 4 năm)

+ K4 Giáo dục quốc phòng và An ninh

ĐHCQ: 20 sinh viên – khóa học 2025-2029 (đào tạo 4 năm)

- Chương trình đào tạo:

+ Số học phần: 62

+ Số tín chỉ: 127

+ Số tiết: 1980

- Ngưỡng đầu vào:

+ Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT và tương đương (GDTX). Thí sinh có sức khỏe tốt, không bị dị tật dị hình, chiều cao nam từ 1m65, nữ từ 1m55 trở lên. Các trường hợp đặc biệt khác do Hội đồng tuyển sinh quyết định.

+ Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 THPT: Học sinh đã tốt nghiệp THPT đăng ký xét tuyển phải có kết quả xét tuyển học bạ lớp 12 học lực từ Giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8.0 trở lên.

+ Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT: Mức điểm sàn áp xét tuyển áp dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2023.

+ Xét tuyển thẳng theo đề án tuyển sinh: Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

- Chuẩn đầu ra:

+ Đảm bảo hoàn thành hết số tín chỉ theo quy định

+ Đạt chuẩn đầu ra môn Ngoại ngữ (Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương)

+ Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014 về “Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin (CNTT)”

+ Thực hiện đầy đủ các quy định, trách nhiệm và nghĩa vụ của người học.

Tháng 7 năm 2026 K1 ngành GDQPAN là khóa đầu tiên có sinh viên ra trường số lượng 20 sinh viên, mẫu phôi văn bằng được cấp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*** Trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ**

Ngành Giáo dục học trình độ Thạc sĩ

- Ngành đào tạo : Giáo dục học (lĩnh vực giáo dục thể chất)

- Hình thức đào tạo: Chính quy

- Định hướng: Nghiên cứu

- Thời gian đào tạo 02 năm (24 tháng)

*** Chuẩn đầu vào và điều kiện dự tuyển**

a) Người dự tuyển là người đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học có liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

b) Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi phải học và đạt các học phần bổ sung kiến thức ngành của chương trình đại học trước khi dự thi theo quy định của thủ trưởng cơ sở đào tạo.

c) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trở lên; hoặc có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do chính Trường cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

d) Trường hợp người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học phải có trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt

*** Nội dung chương trình đào tạo**

Tổng số tín chỉ tích lũy: 66 tín chỉ

+ Kiến thức chung: 8 tín chỉ

+ Kiến cơ sở và chuyên ngành: 43 tín chỉ, trong đó:

Học phần bắt buộc: 17 tín chỉ

Học phần tự chọn: 26 tín chỉ

+ Luận văn tốt nghiệp: 15 tín chỉ

** Điều kiện được công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ*

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo

- Bảo vệ luận văn thạc sĩ đạt yêu cầu;

- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định tại hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

- Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường.

** Ngành Giáo dục học trình độ Tiến sĩ*

- Ngành đào tạo : Giáo dục học (Education Science)

- Hình thức đào tạo : Chính quy

- Ngôn ngữ đào tạo : Tiếng Việt

- Thời gian đào tạo: 03 năm (36 tháng) đối với người có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và 04 năm (48 tháng) đối với người có bằng tốt nghiệp đại học

- Chuẩn đầu vào

Về văn bằng

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên với ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

+ Bằng thạc sĩ ngành đúng, phù hợp: Ngành/chuyên ngành Giáo dục thể chất; Ngành/chuyên ngành Huấn luyện thể thao; Ngành Giáo dục học

+ Bằng Đại học ngành đúng, phù hợp (học bổ sung kiến thức trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành giáo dục học): Ngành/chuyên ngành Giáo dục thể chất; Huấn luyện thể thao; Quản lý thể dục thể thao; Y sinh học thể dục thể thao

Trường hợp bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ do nước ngoài cấp phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo Quyết định số 01/VBHN-BGDĐT ngày 08/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp.

b) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

- Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

Ngoại ngữ

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho nghiên cứu sinh toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do Trường quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

Chương trình đào tạo tiến sĩ

Tổng số tín chỉ toàn khóa: 90 tín chỉ

Các học phần trình độ tiến sĩ: 15 tín chỉ, trong đó:

- Học phần bắt buộc: 9 tín chỉ

- Học phần tự chọn: 6 tín chỉ

+ Các chuyên đề tiến sĩ: 9 tín chỉ

+Tiểu luận tổng quan: 3 tín chỉ

+Nghiên cứu khoa học, luận án tiến sĩ: 63 tín chỉ

- Nghiên cứu khoa học: 8 tín chỉ.

- Luận án tiến sĩ: 55 tín chỉ

Điều kiện công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ

- Đủ điều kiện bảo vệ luận án cấp trường

- Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án của Trường đồng ý thông qua;

- Thực hiện đầy đủ các quy định, trách nhiệm và nghĩa vụ của người học.

Nhà trường đã ban hành mẫu văn bằng, chứng chỉ theo Quyết định số 108/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 19/02/2021 về việc ban hành Quy định quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội.

(1). Tiêu đề

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(2). Hiệu trưởng + tên trường + cấp:

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

Cấp

(3). Tên văn bằng, chứng chỉ

- Văn bằng:

BẰNG CỬ NHÂN/BẰNG THẠC SĨ

- Chứng chỉ:

Chứng chỉ Bồi dưỡng Kiến thức Giáo dục Quốc phòng – An ninh

- (4). Ngành đào tạo đối với Bằng cử nhân/Bằng thạc sĩ
(5). Họ, chữ đệm, tên của người được cấp văn bằng, chứng chỉ
(6). Ngày tháng năm sinh của người được cấp văn bằng, chứng chỉ
(7). Thời gian tham dự học đối với Chứng chỉ
(8). Hạng tốt nghiệp đối với bằng cử nhân
(9). Địa danh (Hà Nội), ngày tháng năm cấp văn bằng, chứng chỉ
(10). Tên, chức danh, chữ ký của người cấp văn bằng, chứng chỉ và đóng dấu theo quy định.
(11). Số hiệu và Số vào sổ cấp văn bằng, chứng chỉ.

- Các nội dung trên được in trên trang 3 và các nội dung tương ứng bằng tiếng anh được in trên trang 2 của bằng Cử nhân/Thạc sĩ. Trang 2 phần tiếng anh không ghi địa danh (Hà Nội) mà chỉ ghi ngày tháng năm cấp văn bằng, chứng chỉ.

- Trang 1 in chữ hoa đậm, màu vàng:

BẰNG CỬ NHÂN/BẰNG THẠC SĨ/CHỨNG CHỈ + TÊN CHỨNG CHỈ

- Các mẫu văn bằng, chứng chỉ cấp cho người tốt nghiệp cho từng trình độ đại học, thạc sĩ, ngành Giáo dục thể chất, ngành Giáo dục học, hình thức đào tạo chính quy, vừa làm vừa học.

2. Thông tin về đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a) Số lượng cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm:

- Nhóm Vị trí việc làm viên chức lãnh đạo, quản lý: 38 người;
- Nhóm Vị trí việc làm viên chức nghề nghiệp chuyên ngành: 107 người;

- Nhóm Vị trí việc làm viên chức nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 56 người;
- Nhóm Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 23 người

b) Số lượng giảng viên toàn thời gian của cơ sở giáo dục và từng lĩnh vực đào tạo chia theo trình độ được đào tạo; danh sách giảng viên cơ hữu theo từng đơn vị chuyên môn bao gồm: họ tên, trình độ, chức danh, chuyên môn, lĩnh vực phụ trách, hướng nghiên cứu chính:

STT	Đơn vị/ Họ và tên	Trình độ	Ngạch/Chức danh nghề nghiệp hiện đang giữ	Chuyên môn đào tạo	Đơn vị	Lĩnh vực phụ trách
1	Nguyễn Duy Quyết	PGS.TS	GVCC	Khoa học GD	Lãnh đạo đơn vị	Hiệu trưởng – Giám đốc trung tâm GDQP&AN
2	Phùng Xuân Dũng	PGS. TS	GVCC	GDTC	Lãnh đạo đơn vị	Phó Hiệu trưởng
3	Hương Xuân Nguyên	TS	GVC	HL GDTC	Lãnh đạo đơn vị	Phó Hiệu trưởng
4	Nguyễn Mạnh Toàn	TS	GVC	GDTC&HLTT	Lãnh đạo đơn vị	Phó Hiệu trưởng
5	Nguyễn Thành Chung	Th.S	GVC	GDTC	Phòng TCCB	Trưởng phòng
6	Nguyễn Văn Hưng	Th.S	GV	QLGD	Phòng TCCB	Phó trưởng phòng
7	Nguyễn Thị Hằng	TS	GVC	GDTC	Phòng QLĐT - KH&HTQT	Phó trưởng phòng - Phụ trách Phòng
8	Ngô Xuân Đức	Th.S	GVC	QLGD - CNTT	Phòng QLĐT - KH&HTQT	Phó trưởng phòng
9	Đặng Đình Dũng	Th.S	GVC	GDTC& Đào tạo TT	Phòng HC-TH	Phó trưởng phòng
10	Đặng Thị Kim Ngân	Th.S	GVC	GDTC	Phòng HC-TH	Phó trưởng phòng
11	Lê Chí Nhân	Th.S	GV	KHGD	Phòng QTTB	Phó trưởng phòng
12	Lê Học Liêm	Th.S	GVC	GDTC	Phòng KT&ĐBCL	Trưởng phòng
13	Đỗ Mạnh Hưng	TS	GVC	GDTC&HLTT	Khoa ĐT SĐH	Trưởng khoa
14	Lê Thanh	TS	GVCC	Toán Tin	Khoa ĐT SĐH	Giảng viên
15	Nguyễn Khắc Dược	TS	GVC	GDTC&HLTT	Khoa ĐT SĐH	Giảng viên
16	Phùng Mạnh Cường	TS	GVC	GDTC-HLTT	Khoa ĐT SĐH	Giảng viên
17	Phạm Ngọc Viễn	PGS.TS	GVCC	GDTC	Khoa ĐT SĐH	Giảng viên
18	Tô Tiến Thành	TS	GVC	GDTC&HLTT	Khoa ĐT SĐH	Giảng viên
19	Trương Anh Tuấn	TS	GVC	GDTC	Khoa ĐT SĐH	Giảng viên
20	Trần Tuấn Hiếu	PGS.TS	GVCC	GDTC	Khoa ĐT SĐH	Giảng viên
21	Nguyễn Đại Dương	GS.TS	GVCC	GDTC	Khoa ĐT SĐH	Giảng viên
22	Nguyễn Văn Thời	TS	GVC	GDTC	Khoa ĐT SĐH	Giảng viên
23	Trương Công Đức	Th.S	GV	GDTC	Khoa ĐT SĐH	Giảng viên
24	Phạm Anh Tuấn	TS	GVC	GDTC&HLTT	Khoa ĐK-TD	Trưởng khoa
25	Phạm Phi Diệp	Th.S	GVC	GDTC	Khoa ĐK-TD	PTK kiêm TBM
26	Phan Văn Huỳnh	Th.S	GV	HLTDTT	Khoa ĐK-TD	Giảng viên
27	Nguyễn Thị Hồng Phượng	Th.S	GVC	GDTC	Khoa ĐK-TD	Giảng viên
28	Đoàn Hà Trung	Th.S	GV	GDTC	Khoa ĐK-TD	Giảng viên
29	Đoàn Thanh Nam	TS	GVC	GDTC	Khoa ĐK-TD	Giảng viên
30	Lã Huy Hoàng	Th.S	GVC	HLTT	Khoa ĐK-TD	Giảng viên
31	Vũ Thị Trang	Th.S	GVC	GDTC	Khoa ĐK-TD	Giảng viên

32	Phạm Thị Hương	TS	GVC	KHGD	Khoa ĐK-TD	Giảng viên
33	Phạm Mai Vương	Th.S	GVC	GDTC	Khoa ĐK-TD	TBM
34	Nguyễn Văn Hạnh	Th.S	GVC	GDTC	Khoa ĐK-TD	Giảng viên
35	Nguyễn Thu Trang	Th.S	GV	GDTC	Khoa ĐK-TD	Giảng viên
36	Phạm Quốc Toàn	Th.S	GVC	GDTC	Khoa ĐK-TD	Giảng viên
37	Mai Thị Thanh Thủy	Th.S	GVC	GDTC	Khoa ĐK-TD	Giảng viên
38	Nguyễn Thị Mai Thuan	Th.S	GVC	GDTC	Khoa ĐK-TD	Giảng viên
39	Nguyễn Tùng Lâm	Th.S	GV	GDTC	Khoa ĐK-TD	Giảng viên
40	Lê Ngọc Vinh	Th.S	GV	KHGD	Khoa ĐK-TD	Giảng viên
41	Trần Ngọc Minh	TS	GVC	GDTC	Khoa BC-BĐ-BR	TK, TBM BĐ
42	Phạm Minh	Th.S	GV	GDTC& ĐTTT	Khoa BC-BĐ-BR	Giảng viên
43	Nguyễn Kim Mạnh	Th.S	GV	GDTC	Khoa BC-BĐ-BR	Giảng viên
44	Đào Xuân Anh	Th.S	GVC	GDTC	Khoa BC-BĐ-BR	PTK, TBM BC
45	Lê Thị Thu Hương	Th.S	GVC	GDTC	Khoa BC-BĐ-BR	Giảng viên
46	Nguyễn Văn Duyệt	Th.S	GV	GDTC	Khoa BC-BĐ-BR	Giảng viên
47	Lê Chí Hường	Th.S	GV	GDTC	Khoa BC-BĐ-BR	Giảng viên
48	Phạm Ngọc Tú	Th.S	GVC	GDTC	Khoa BC-BĐ-BR	Giảng viên
49	Lê Mạnh Linh	Th.S	GVC	GDTC	Khoa BC-BĐ-BR	TBM
50	Nguyễn Việt Hồng	Th.S	GVC	GDTC	Khoa BC-BĐ-BR	Giảng viên
51	Phạm Duy Hải	TS	GVC	GDTC& HLTT	Khoa BC-BĐ-BR	Giảng viên
52	Nguyễn Hoàng Việt	Th.S	GV	KHVĐ cơ thể người	Khoa BC-BĐ-BR	Giảng viên
53	Mai Thị Ngoãn	Th.S	GVC	TDTT	Khoa CL-BB-QV	TK kiêm TBM
54	Lại Triệu Minh	Th.S	GVC	GDTC&HLTT	Khoa CL-BB-QV	Giảng viên
55	Nguyễn Thị Thuý Ngân	Th.S	GV	GDTC	Khoa CL-BB-QV	Giảng viên
56	Chu Thanh Hải	Th.S	GV	GDTC	Khoa CL-BB-QV	Giảng viên
57	Đặng Thu Hằng	Th.S	GV	GDTC	Khoa CL-BB-QV	Giảng viên
58	Ngô Thế Phương	Th.S	GV	GDTC	Khoa CL-BB-QV	Giảng viên
59	Nguyễn Thị Liên	Th.S	GVC	GDTC	Khoa CL-BB-QV	Giảng viên
60	Đỗ Thị Tố Uyên	Th.S	GVC	GDTC	Khoa CL-BB-QV	Giảng viên
61	Vũ Thị Thu Hà	Th.S	GVC	GDTC	Khoa CL-BB-QV	Giảng viên
62	Phạm Văn Quý	Th.S	GVC	GDTC	Khoa CL-BB-QV	Giảng viên
63	Nguyễn Thành Hưng	TS	GVC	GDTC	Khoa CL-BB-QV	PTK
64	Nguyễn Ngọc Tuấn	Th.S	GV	KHGD	Khoa V-B-C	Giảng viên
65	Trần Dũng	TS	GVC	GDTC	Khoa V-B-C	TK.kiểm TBM Taekwondo

66	Ngô Bằng Giang	Th.S	GV	GDTC	Khoa V-B-C	Giảng viên
67	Vũ Công Lâm	Th.S	GVC	GDTC	Khoa V-B-C	Giảng viên
68	Trần Hải Thanh	Th.S	GV	GDTC	Khoa V-B-C	Giảng viên
69	Nguyễn Tổ Quyên	Th.S	GV	GDTC	Khoa V-B-C	Giảng viên
70	Nguyễn Văn Đại	Th.S	GV	GDTC	Khoa V-B-C	Giảng viên
71	Vũ Văn Thịnh	Th.S	GVC	GDTC	Khoa V-B-C	PTK kiêm TBM B-TC
72	Nguyễn Văn Thuật	Th.S	GVC	GDTC	Khoa V-B-C	Giảng viên
73	Lê Mạnh Cường	Th.S	GV	KHVD Thể thao	Khoa V-B-C	Giảng viên
74	Lê Thị Vân Liêm	Th.S	GVC	Kinh tế chính trị	Khoa LLCT	Trưởng khoa
75	Trần Mai Linh	TS	GVC	Triết học- CNDVBC và DVLS	Khoa LLCT	Giảng viên
76	Hồ Thị Thu Hiền	Th.S	GVC	Luật Kinh tế	Khoa LLCT	Giảng viên
77	Nguyễn Thị Diệu Khánh	Th.S	GVC	Triết học	Khoa LLCT	Giảng viên
78	Nguyễn Thị Thức	Th.S	GV	LSĐCSVN	Khoa LLCT	Giảng viên
79	Mai Thị Bích Ngọc	Th.S	GVC	Triết học - CNCNXHKH	Khoa LLCT	Giảng viên
80	Lê Thị Thanh Hương	Th.S	GV	KTCT	Khoa LLCT	Giảng viên
81	Lê Thị Thùy Chi	Th.S	GV	TTHCM	Khoa LLCT	Giảng viên
82	Nguyễn Thu Nga	TS	GVC	Lý luận và Lịch sử GD	Khoa LLCN&NVSP	Trưởng khoa
83	Bùi Quang Hải	PGS, TS	GVCC	GDTC	Khoa LLCN&NVSP	Giảng viên
84	Ngô Thanh Huyền	Th.S	GVC	Tâm lý học	Khoa LLCN&NVSP	Giảng viên
85	Lê Thị Thu Thuý	Th.S	GVC	GDTC	Khoa LLCN&NVSP	Giảng viên
86	Trần Thị Nhu	Th.S	GVC	GDTC	Khoa LLCN&NVSP	Giảng viên
87	Hà Thị Kim Oanh	Th.S	GVC	TLH	Khoa LLCN&NVSP	Giảng viên
88	Lê Nguyên Hoàn	Th.S	GVC	LL&PPGDTC	Khoa LLCN&NVSP	Giảng viên
89	Đinh Thị Uyên	Th.S	GV	QLTDTT	Khoa LLCN&NVSP	Giảng viên
90	Nguyễn Hồng Minh	Th.S	GVC	GDTC	Khoa LLCN&NVSP	Giảng viên
91	Vũ Thanh Hiền	Th.S	GV	TLGD	Khoa LLCN&NVSP	Giảng viên
92	Nguyễn Thị Hoài Mỹ	Th.S	GVC	T. Anh	TT NN-TH	GDĐT
93	Nguyễn Hoàng Yến	Th.S	GV	CN Tiếng Anh ThS Ngôn ngữ học	TT NN-TH	Giảng viên
94	Nguyễn Thị Thu Minh	Th.S	GVC	LL&PPGD TA	TT NN-TH	PGĐT
95	Đào Thị Ngân Huyền	Th.S	GVC	Tiếng Anh	TT NN-TH	Giảng viên
96	Phan Thị Phượng	Th.S	GV	Tiếng Anh	TT NN-TH	Giảng viên
97	Lê Dung	Th.S	GV	Toán học	TT NN-TH	Giảng viên
98	Hoàng Thu Thủy	Th.S	GVC	Toán-Tin ứng dụng	TT NN-TH	Giảng viên
99	Nguyễn Thị Ninh	ĐH	Trợ giảng	Ngôn ngữ Anh	TT NN-TH	Giảng viên
100	Đỗ Anh Tuấn	TS	GVC	GDTC&HLTT	Khoa YHTDTT	Trưởng khoa
101	Nguyễn Thị Minh Hạnh	Th.S	GV	Sinh thái học	Khoa YHTDTT	TBM Y sinh

102	Lê Đức Chương	PGS, TS	GVCC	YHTDTT	Khoa YHTDTT	Giảng viên
103	Nguyễn Tiến Lợi	TS	GVC	KHVD Thể thao và Cơ thể người	Khoa YHTDTT	TBM YHTDTT
104	Nguyễn Thị Thoa	Th.S	GV	Sinh học thực nghiệm (Sinh lý người và động vật)	Khoa YHTDTT	Giảng viên
105	Quách Thị Ngọc Hà	Th.S	GVC	KH Môi trường	Khoa YHTDTT	Giảng viên
106	Trần Đình Tường	TS	GVC	GDTC	Khoa YHTDTT	Giảng viên
107	Đặng Hải Linh	Th.S	GV	HLTDTT	Khoa YHTDTT	Giảng viên
108	Phạm Ngọc Quân	Th.S	GV	YH TDTT	Khoa YHTDTT	Giảng viên
109	Nguyễn Phương Linh	Th.S	GV	YH TDTT	Khoa YHTDTT	Giảng viên
110	Trần Văn Cường	TS	GVC	GDTC&HLTT	Khoa GDQP&AN	Trưởng khoa
111	Tạ Việt Thanh	Th.S	GV	Toán học GDQP-AN	Khoa GDQP&AN	Giảng viên
112	Phùng Thị Tâm Tinh	Th.S	GV	GD QP-AN	Khoa GDQP&AN	Giảng viên
113	Đoàn Khắc Hà	Th.S	GV	GDTC GD QP-AN	Khoa GDQP&AN	BTM
114	Dương Đăng Kiển	Th.S	GV	GDTC, GD QP-AN	Khoa GDQP&AN	Giảng viên
115	Mai Thiện Chí	Th.S	GV	GD QP-AN	Khoa GDQP&AN	Giảng viên
116	Nguyễn Tất Quân	Th.S	GV	GD QP-AN	Khoa GDQP&AN	Giảng viên
117	Đặng Hùng Linh	Th.S	GVC	GDTC	Khoa GDQP&AN	Giảng viên
118	Nguyễn Hoàng Long	Th.S	GV	GD QP-AN	Khoa GDQP&AN	Giảng viên
119	Đào Văn Minh	Sỹ quan	GV		Khoa GDQP&AN	Giảng viên
120	Đặng Minh Lợi	Sỹ quan	GV		Khoa GDQP&AN	Giảng viên
121	Nguyễn Đắc Năm	Sỹ quan	GV		Khoa GDQP&AN	Giảng viên
122	Hoàng Tuấn Hào	Sỹ quan	GV		Khoa GDQP&AN	Giảng viên
123	Mai Tú Nam	TS	GVC	KHXX&NV về thể thao	Khoa Huấn luyện TT	Trưởng khoa
124	Nguyễn Mạnh Đạt	Th.S	GVC	GDTC	Khoa Huấn luyện TT	TBM
125	Nguyễn Thị Thu	Th.S	GVC	GDTC	Khoa Huấn luyện TT	TBM
126	Nguyễn Doãn Vũ	Th.S	GV	GDTC	Khoa Huấn luyện TT	Giảng viên
127	Trần Chí Công	Th.S	GV	GDTC	Khoa Huấn luyện TT	Giảng viên
128	Trần Đình Phòng	Th.S	GV	KHGD	Khoa Huấn luyện TT	Giảng viên
129	Cao Hoài Anh	TS	GV	GDTC	Khoa Huấn luyện TT	Giảng viên
130	Nguyễn Văn Tuyền	Th.S	GV	GDTC	Khoa Huấn luyện TT	Giảng viên
131	Đỗ Quang Nhật	Th.S	Trợ giảng	Golf	Khoa Huấn luyện TT	Giảng viên
132	Phạm Thị Thanh Hương	TS	GVC	Tâm lý học	Khoa Huấn luyện TT	Giảng viên

133	Nguyễn Văn Hoàng	Th.S	GVC	QLGD	Tung tâm NN-TH	Phó Giám đốc
134	Nguyễn Anh Tuấn	Th.S	GVC	LL&PP DH Âm nhạc	Tung tâm NN-TH	Phó Giám đốc
135	Hoàng Minh Thuý	Th.S	GVC	Ngôn ngữ học	Tung tâm NN-TH	Giảng viên
136	Lê Duy Linh	Th.S	GVC	Âm nhạc	Tung tâm NN-TH	Giảng viên
137	Đinh Thị Hiền	Th.S	GV	Tin học	KHTC	Giảng viên
138	Đinh Thị Thảo	Th.S	GV	GDTC	KT&ĐBCL	Giảng viên
139	Phan Từ Lãng	ĐH	Sĩ quan		Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh	Phó Giám đốc
140	Nguyễn Minh Tiến	Th.S	Sĩ quan		Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh	Phó Giám đốc
141	Nguyễn Đức Tiến	ĐH	Sĩ quan		Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh	PTP ĐT và QLSV
142	Bùi Văn Trang	ĐH	Sĩ quan		Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh	TBM CT-BB, khoa Quân sự
143	Nguyễn Ngọc Sơn	Th.S	Sĩ quan		Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh	Giảng viên
144	Lý Hoài Nam	Th.S	Sĩ quan		Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh	Giảng viên
145	Phạm Hồng Hải	Th.S	Sĩ quan		Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh	Trưởng khoa Quân sự
146	Vũ Văn Tuấn	ĐH	Sĩ quan		Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh	Giảng viên
147	Nguyễn Quốc Anh	ĐH	Sĩ quan		Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh	TP Hậu cần, Tài chính, Kỹ thuật
148	Đinh Trọng Tuấn	Th.S	Sĩ quan		Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh	Trưởng khoa Chính trị
149	Đỗ Ánh Thiên	Th.S	Sĩ quan		Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh	TBM Đường lối quân sự, Khoa Chính trị
150	Chu Văn Hạc	TS	Sĩ quan		Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh	TBM Công tác QP-AN, Khoa Chính trị
151	Nguyễn Công Long	Th.S	Sĩ quan		Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh	PTP HC-TC
152	Chu Hữu Sơn	Th.S	Sĩ quan		Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh	Giảng viên

- Tổng cộng: 138 giảng viên

- Sĩ quan biệt phái : 14

c) Số lượng giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo bồi dưỡng hàng năm theo quy định: Trong năm học 2025–2026, nhà trường đã cử tổng cộng 345 lượt giảng

viên, cán bộ quản lý và nhân viên tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo đúng quy định hiện hành.

d) Tỷ lệ sinh viên/giảng viên cơ hữu: 12,62 (sinh viên/giảng viên cơ hữu)

4) Thông tin về cơ sở vật chất dùng chung

a) Danh mục các khuôn viên: Trường ĐHSP TDTT Hà Nội

Địa điểm đào tạo; thông tin về diện tích đất: 14,348 (ha)

Địa chỉ: Tổ dân phố Phụng Đồng - Phường Chương Mỹ - Thành phố Hà Nội

Mục đích sử dụng chính: Đào tạo

b) Danh mục các công trình xây dựng, các hạng mục cơ sở vật chất, thông tin về khuôn viên, diện tích sàn xây dựng, diện tích sàn sử dụng cho đào tạo

TT	Danh mục các công trình xây dựng	Diện tích xây dựng/m ²	Diện tích sàn xây dựng/m ²
1	Nhà ăn sinh viên 1,2	1500	2592
2	Giảng đường 4 tầng	1050	3703
3	Giảng đường TTGDQP	800	4000
4	Giảng đường D1	550	792
5	Hội trường A	320	320
6	Ký túc xá sinh viên C1	652	1478
7	Ký túc xá sinh viên C2	652	1647
8	Ký túc xá sinh viên C3	652	1647
9	ký túc xá sinh viên C4	652	2204
10	Ký túc xá sinh viên C5	652	2204
11	Ký túc xá sinh viên C6	652	1647
12	Ký túc xá sinh viên C7	652	3100
13	Ký túc xá sinh viên C8	652	3100

14	Ký túc xá sinh viên C9	652	3100
15	Nhà điều hành trung tâm	600	4940
16	Nhà Đa năng	1392	1253
17	Nhà thi đấu thể thao đa năng	3350	3200
18	Nhà thí nghiệm thể chất	750	1400
19	Thư viện	650	1152
20	Trạm Y tế	550	1650
21	Nhà tập thể thao đa năng	1320	2940

c) **Thông tin về thư viện** (không gian làm việc: 01 phòng; phòng đọc: 02 phòng); số đầu sách là: 2.632 bản, số bản sách giáo trình là: 648 bản; Đầu giáo trình là: 167 bản, sách chuyên khảo TĐTT là: 4.906 bản.

5) Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo:

a) Kết quả tự đánh giá của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

** Kiểm định cơ sở giáo dục chu kỳ 1 năm 2020:*

Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU-CEA)

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học ban hành Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017

- Mức độ đạt kiểm định: Đạt

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 6/8/2020 đến ngày 6/8/2025.

** Kiểm định cơ sở giáo dục chu kỳ 2 năm 2026:*

Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục – Trường Đại học Vinh (VU-CEA).

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học ban hành Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017.

- Mức độ đạt kiểm định: Đạt

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 29/4/2026 đến ngày 29/4/2031.

b). Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	7140206	Giáo dục thể chất	CTĐT trình độ đại học ngành Giáo dục thể chất	TT KĐCLGD - Trường đại học Vinh	26/12/2030
2	8140101	Giáo dục học	CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Giáo dục học	TT KĐCLGD- Trường đại học Vinh	26/12/2030

b) Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục do tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục cấp theo quy định pháp luật qua các mốc thời gian:

Năm 2020 nhà trường đã hoàn thành kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 1 và được cấp giấy chứng nhận theo quyết định số 204/QĐ-KĐCL ngày 6 tháng 8 năm 2020 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội;

Năm 2025 nhà trường đã hoàn thành kiểm định đánh giá chất lượng 02 chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình đào tạo ban hành theo thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 19/5/2016.

- Ngành Giáo dục thể chất trình độ đại học chính quy và được cấp giấy chứng nhận theo quyết định số 214/QĐ-KĐCLV26/12/2025 của Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh

- Ngành Giáo dục học trình độ thạc sĩ và được cấp giấy chứng nhận theo quyết định số 215/QĐ-KĐCLV ngày 26/12/2025 của Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh.

Năm 2026 nhà trường đã hoàn thành kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 2 theo thông tư 12/2017/TT-BGD&ĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Được cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo quyết định số 232/QĐ-KĐCLV ngày 29/4/2026 của Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh.

c) Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm:

Căn cứ kiến nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Nhà trường đã xây dựng ban hành kế hoạch để cải tiến các CTĐT và cơ sở giáo dục trong giai đoạn tới như:

- Kế hoạch số 30/KH-ĐHSPTDTTHN ngày 13/01/2026 về việc cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành giáo dục thể chất giai đoạn 2026-2028 đối với 11 tiêu chuẩn nhằm cải tiến chất lượng và hiệu quả;

- Kế hoạch số 53/KH-ĐHSPTDTTHN ngày 26/01/2026 về việc cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành giáo dục học giai đoạn 2026-2028 đối với 11 tiêu chuẩn nhằm cải tiến chất lượng và hiệu quả;

- Kế hoạch số 442/KH-ĐHSPTDTTHN ngày 3/7/2026 về việc cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài cơ sở giáo dục giai đoạn 2026-2029 đối với 25 tiêu chuẩn nhằm cải tiến chất lượng và hiệu quả;

IV. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO, HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Thông tin về kế hoạch tuyển sinh, tổ chức đào tạo hằng năm đối với từng trình độ, hình thức đào tạo.

a) Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;
- Căn cứ Quyết định số 3037/QĐ-BGDĐT, ngày 03/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2026;

b) Mục đích, yêu cầu

- Kế hoạch tuyển sinh được ban hành nhằm đảm bảo Nhà trường, thí sinh và các đơn vị liên quan triển khai kế hoạch tuyển sinh được chặt chẽ, thống nhất, đồng bộ, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác tuyển sinh;
- Phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, nghiêm túc, an toàn, hiệu quả, đúng Quy chế tuyển sinh theo quy định hiện hành;
- Công tác tổ chức tuyển sinh đảm bảo đúng mục tiêu, kế hoạch tuyển sinh, Thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội và Quy chế tuyển sinh Đại học chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Tổ chức tuyển sinh phải đảm bảo chặt chẽ, chính xác, khách quan và công bằng cho tất cả thí sinh.

- Kế hoạch chi tiết công tác tuyển sinh

TT	Nội dung công tác	Dự kiến thời gian thực hiện	Tổ chức cá nhân thực hiện
I	Công tác chuẩn bị		
1.	Kế hoạch tuyển sinh năm 2026	Tháng 2/2026	BGH, P.QLĐT-KH&HTQT
2.	Khai báo Cơ sở dữ liệu ngành trên hệ thống Hemis phục vụ công tác xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2026	Trước ngày 16/02/2026	P.QLĐT-KH&HTQT, P.KHTC, P.QTTB, P.TCCB
3.	Ra Quyết định thành lập và họp Ban xây dựng Thông tin tuyển sinh Đại học năm 2026	Trước tháng 02/2026	BGH, Ban XD Thông tin, P.QLĐT-KH&HTQT, P.HCTH
4.	Công bố Thông tin tuyển sinh năm 2026 trên cổng thông tin của Nhà trường	15/02/2026	BGH, Ban XD Thông tin, P.QLĐT-KH&HTQT
5.	Thông báo tuyển sinh đại học năm 2026	Tháng 4/2026	BGH, P.QLĐT-KH&HTQT
6.	Hoạt động tư vấn tuyển sinh	Tháng 3/2026 đến 11/2026	Ban tư vấn TS và các đơn vị liên quan

TT	Nội dung công tác	Dự kiến thời gian thực hiện	Tổ chức cá nhân thực hiện
7.	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký bản giấy đối với thí sinh diện tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và thí sinh tốt nghiệp trước năm 2026 (nộp trực tiếp/gửi qua bưu điện) và mở cổng đăng ký tuyển sinh.	Từ tháng 4/2026 đến hết ngày 01/6/2026	P.QLĐT-KH&HTQT
8.	Ra các Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh, các Ban tuyển sinh Đại học năm 2026	Tháng 5/2026	P.QLĐT-KH&HTQT, P.HCTH
9.	Cập nhật thông tin tuyển sinh của Nhà trường vào Hệ thống (trang Nghiệp vụ)	Trước ngày 30/5/2026	HĐTS, Ban thư ký
10.	Tổ chức trực hỗ trợ thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức trực tuyến.	Từ ngày thí sinh đăng ký dự thi đến khi kết thúc các đợt tuyển sinh	HĐTS, Ban thư ký
II Tổ chức thi năng khiếu TDTT năm 2026			
11.	Chuẩn bị hồ sơ thí sinh dự thi năng khiếu TDTT	Tháng 5/2026	HĐTS, Ban thư ký, P.HCTH
12.	Ra Quyết định thành lập các Ban tuyển sinh thi năng khiếu TDTT	Tháng 5/2026	P.QLĐT-KH&HTQT, P.HCTH
13.	Thi tuyển sinh năng khiếu TDTT tại Trường ĐHSP TDTT Hà Nội đợt 1	Từ 15/6/2026 đến 17/6/2026	HĐTS + các ban
14.	Thi tuyển sinh năng khiếu TDTT tại Trường ĐHSP TDTT Hà Nội đợt 2	Từ 18/9/2026 đến 20/9/2026	HĐTS + các ban
III Tổ chức xét tuyển thẳng			
15.	Hoàn thành xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển	Trước 17h00 20/6/2026	HĐTS, Ban thư ký, P.HCTH
16.	Hoàn thành công tác xét tuyển thẳng và thông báo kết quả cho thí sinh. Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển thẳng lên hệ thống	Chậm nhất 17h00 ngày 30/6/2026	HĐTS, Ban thư ký, P.HCTH
IV Tổ chức xét tuyển theo điểm học tập THPT (học bạ) và điểm thi tốt nghiệp THPT			
17.	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký bản giấy đối với thí sinh diện tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và thí sinh tốt nghiệp trước năm 2026 và nhập dữ liệu (nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện).	Từ tháng 4/2026 đến hết ngày 01/6/2026	P.QLĐT-KH&HTQT, P.HCTH
18.	Họp xét barem điểm thi năng khiếu và điểm thi năng khiếu đợt 1, năm 2026	Ngày 18/6/2026	HĐTS
19.	Cập nhật kết quả thi năng khiếu lên phần mềm của Bộ GD&ĐT	Trước 17h00, ngày 20/6/2026	HĐTS, Ban thư ký

TT	Nội dung công tác	Dự kiến thời gian thực hiện	Tổ chức cá nhân thực hiện
20.	Bộ GD&ĐT công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào khối ngành đào tạo giáo viên.	Chậm nhất ngày 08/7/2026	Bộ GD&ĐT
21.	Họp Hội đồng xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm tiếp nhận hồ sơ)	Ngày 9/7/2026	HĐTS, Ban thư ký
22.	Công bố mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển trên hệ thống và trang thông tin điện tử của trường	Chậm nhất 17h00 ngày 10/7/2026	HĐTS, Ban thư ký
23.	Tham gia tập huấn công tác lọc ảo nguyện vọng ĐKXT.	Ngày 12/7/2026	BTK, Vụ GDDH
24.	Đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển (Không giới hạn số lần) trong thời gian quy định trên hệ thống của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ http://thisinh.thithptquocgia.edu.vn . Thí sinh tự do chưa có tài khoản phải đăng ký cấp tài khoản theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT	Từ 2/7 đến 17h00 ngày 14/7/2026	Thí sinh
25.	Nộp lệ phí dịch vụ tuyển sinh (lệ phí xét tuyển) trên hệ thống	Từ ngày 15/7 đến 17h00 ngày 21/7/2026	Thí sinh
26.	Tải dữ liệu nguyện vọng, điểm thi THPT, điểm học bạ trên hệ thống của Bộ GD&ĐT	Từ ngày 29/7 đến 17h00 ngày 30/7/2026	Ban Thư ký
27.	Họp Hội đồng xác định số lượng xét lọc ảo tuyển sinh ĐHCQ đợt 1 năm 2026	Ngày 08/8/2026	HĐTS, Ban Thư ký
28.	Xử lý NV trên Hệ thống để xác định NV trúng tuyển (NV cao nhất trong số NV mà thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nếu có).	Từ ngày 4/8 đến 17h00 ngày 10/8/2026	HĐTS, Ban Thư ký
29.	Tổ chức Hội đồng xét kết quả thi tuyển sinh ĐHCQ đợt 1 năm 2026 Công bố kết quả thi trên Website, phương tiện thông tin đại chúng.	Trước 17h00 ngày 12/8/2026	HĐTS, Ban thư ký
V. Thông báo kết quả và xác nhận nhập học			
30.	Thông báo thí sinh trúng tuyển đại học chính quy đợt 1.	Trước 17h00 ngày 13/8/2026	HĐTS, Ban thư ký
31.	Thí sinh xác nhận nhập học trực tuyến đợt 1 trên Hệ thống.	17h00 ngày 21/8/2026	Thí sinh, HĐTS, Ban thư ký
32.	Thí sinh nhập học Đại học chính quy đợt 1 năm 2026	Trước ngày 06/9/2026	HĐTS, Ban thư ký, Phòng chức năng
VI Tổ chức đăng ký và xét tuyển bổ sung			
33.	Thông báo tuyển sinh đại học chính quy đợt 2.	Từ ngày 31/8/2026	HĐTS, Ban thư ký

TT	Nội dung công tác	Dự kiến thời gian thực hiện	Tổ chức cá nhân thực hiện
34.	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự thi ĐHCQ (đợt 2) của thí sinh diện ưu tiên xét tuyển, tốt nghiệp trước năm 2026 và nhập dữ liệu.	Từ ngày 31/8/2026 đến trước ngày 14/9/2026	Ban thư ký; P.QLĐT-KH&HTQT; P.HCTH
35.	Thi tuyển sinh năng khiếu TDTT tại Trường ĐHSP TDTT Hà Nội (đợt 2)	Từ 18/9/2026 đến 20/9/2026	HĐTS + Các Ban
36.	Họp Hội đồng xét kết quả thi tuyển sinh ĐHCQ đợt 2 năm 2026 Công bố kết quả thi trên Website, phương tiện thông tin đại chúng.	Trước ngày 10/10/2026	HĐTS, Ban thư ký
37.	Họp xét điểm chuẩn, duyệt danh sách trúng tuyển ĐHCQ đợt 2 năm 2026	Trước ngày 15/10/2026	HĐTS, Ban thư ký
38.	Thông báo thí sinh trúng tuyển đại học chính quy đợt 2	Trước 17h00' ngày 17/10/2026	HĐTS, Ban thư ký
39.	Thí sinh nhập học đợt 2 năm 2026	Ngày 30/10/2026	HĐTS, Ban thư ký
VII	Tổ chức thi tuyển, xét tuyển Đại học VLVH		
40.	Thông báo tuyển sinh và tổ chức thu hồ sơ dự tuyển Đại học hệ VLVH năm 2026	Từ tháng 3 đến tháng 12/2026	BGH, HĐTS, P.QLĐT-KH&HTQT
41.	Thi tuyển, xét tuyển, nhập học, khai giảng cho sinh viên Đại học hệ VLVH năm 2026	Từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2026	BGH, HĐTS, P.QLĐT-KH&HTQT
IX	Tổng kết tuyển sinh và báo cáo		
42.	Kiểm tra tính hợp pháp của các thí sinh nhập học	Tháng 12/2026	HĐTS, Ban thư ký, P.QLĐT-KH&HTQT; P.KT&ĐBCL
43.	Báo cáo kết quả TSDH năm 2026 về Bộ GD&ĐT	Trước ngày 31/12/2026	P.QLĐT-KH&HTQT
44.	Hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh năm 2026	Trước ngày 31/12/2026	P.QLĐT-KH&HTQT; Khoa ĐTSDH, các đơn vị

*** Kế hoạch tổ chức đào tạo**

- Khóa 55 GDTC, K1 GDQP&AN

SINH HOẠT CÔNG DÂN	HỌC KỲ 7; THI KẾT THÚC KỲ 7	HỌC KỲ 8, KỲ THI PHỤ	NGHỈ TẾT	TIẾP HỌC KỲ 8		XÉT CNTN VÀ LỄ TỐT NGHIỆP
				THỰC TẬP SỬ PHẠM	TIẾP HỌC KỲ 8; THI LẠI, HỌC LẠI; K/LUẬN	
15/9/2025 - 21/9/2025	22/9/2025 - 18/01/2026	19/01/2026 - 08/02/2026	09/02/2026 - 01/3/2026	02/3/2026 - 26/4/2026	27/4/2026 - 28/6/2026	29/6/2026 - 12/7/2026
1 tuần	17 tuần học	3 tuần	3 tuần	8 tuần	9 tuần	2 tuần

- Khóa 56 GDTC, K2 GDQP&AN, K1 HLTT, K1 SONG BẢNG, K1 VLVH.

SINH HOẠT CÔNG DÂN	HỌC KỲ 5; THI KẾT THÚC	TẬP HUẤN CÔNG TÁC ĐOÀN ĐỘI	HỌC KỲ 6	NGHỈ TẾT	HỌC KỲ 6; THI KẾT THÚC KỲ 6	KỲ THI PHỤ; HỌC KỲ HÈ
25/8/2025 - 31/8/2025	01/9/2025 - 04/01/2026	05/01/2026 - 25/01/2026	26/01/2026 - 08/02/2026	09/02/2026 - 01/3/2026	02/3/2026 - 28/6/2026	29/06/2026 - 16/8/2026
1 tuần	18 tuần	3 tuần	2 tuần	3 tuần	17 tuần	7 tuần

- Khóa 57 GDTC, K3 GDQP&AN, K2 HLTT, K2 SONG BẢNG, K2 VLVH.

SINH HOẠT CÔNG DÂN	HỌC KỲ 3; THI KẾT THÚC KỲ 3	HỌC KỲ 4	NGHỈ TẾT	TIẾP HỌC KỲ 4; THI KẾT THÚC KỲ 4			KỲ THI PHỤ; HỌC KỲ HÈ
				HỌC KỲ 4	HỌC GDQP&AN	HỌC KỲ 4; KỲ THI PHỤ	
25/8/2025-31/8/2025	01/9/2025 - 04/01/2026	05/01/2026-08/02/2026	09/02/2026-01/3/2026	02/3/2026 - 29/3/2026	30/3/2026 - 19/4/2026	20/4/2026 - 28/6/2026	29/6/2026 - 16/8/2026
1 tuần	18 tuần	5 tuần	3 tuần	4 tuần	3 tuần	10 tuần	7 tuần

- Khóa 58 GDTC, K4 GDQP&AN, K3 HLTT, K3 SONG BẢNG, K3 VLVH.

NHẬP HỌC	SINH HOẠT CÔNG DÂN	HỌC KỲ 1; THI KẾT THÚC KỲ 1; KỲ THI PHỤ	NGHỈ TẾT	HỌC KỲ 2; THI KẾT THÚC KỲ 2;	KỲ THI PHỤ; HỌC KỲ HÈ
08/9/2025 - 14/9/2025	15/9/2025 - 21/9/2025	22/9/2025 - 25/01/2026	09/02/2026-01/3/2026	02/3/2026 - 05/7/2026	06/7/2026 - 16/8/2026
1 tuần	1 tuần	18 tuần	3 tuần	18 tuần	7 tuần

2. Thông tin về kết quả tuyển sinh và đào tạo hàng năm đối với từng trình độ đào tạo, tính cho toàn cơ sở giáo dục và phân theo lĩnh vực, ngành và hình thức đào tạo.

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Quy mô đào tạo	2214	-
2	Số lượng nhập học mới	928	82.4%
3	Số lượng tốt nghiệp	293	77.51%
4	Tỷ lệ nhập học so với kế hoạch	928/1141	81.3%
5	Tỷ lệ thôi học	23	1.03%
6	Tỷ lệ thôi học năm đầu	11	0.49%
7	Tỷ lệ tốt nghiệp trong thời gian không quá 2 năm so với kế hoạch học tập chuẩn	55	14.55%
8	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn (trong thời gian chuẩn)	227	85.34%

9	Tỷ lệ người học tốt nghiệp đại học có việc làm phù hợp với trình độ đào tạo trong thời gian 12 tháng sau khi tốt nghiệp	250	92%
---	---	-----	-----

3. Thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ trong năm, tính cho toàn cơ sở giáo dục và phân theo lĩnh vực khoa học và công nghệ.

a) Danh mục dự án, đề tài hoặc nhiệm vụ khoa học công nghệ do cơ sở giáo dục chủ trì: Tên dự án, đề tài, nhiệm vụ; cấp quản lý; người chủ trì và các thành viên tham gia; đối tác trong nước và quốc tế; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện; tóm tắt kết quả và sản phẩm đạt được:

- Công khai về Hội thảo/Hội nghị

+ Tổ chức Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Trường lần thứ VIII, năm 2026 với 20 báo cáo vào ngày 7/05/2026 Kết quả đạt được báo cáo thuyết trình: 01 giải nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba; báo cáo Poster đạt: 01 giải nhất, 01 giải Nhì, 01 giải Ba, 02 giải khuyến khích.

+ Tham dự Hội nghị sinh viên NCKH toàn quốc khối các cơ sở đào tạo về lĩnh vực TDTT lần thứ XVII tổ chức tại Trường Đại học Sư phạm TDTT Tp. Hồ Chí Minh. Kết quả tham dự Nhà trường đạt 01 giải Nhất báo cáo thuyết trình, 01 giải Ba báo cáo Poster, 01 giải Khuyến khích báo cáo Poster.

+ Vào tháng 10 năm 2025, Hội thể thao nhà trường đã phối hợp với Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học & Hợp tác Quốc tế tổ chức thành công Hội thảo khoa học quốc gia với chủ đề: “Nâng cao hiệu quả công tác Giáo dục thể chất và Hoạt động thể thao trong các Đại học, trường Đại học, Học viện, Cao đẳng”. Hội thảo đã thu hút và đăng tải tổng cộng 76 bài báo khoa học trên số đặc biệt của Tạp chí Khoa học Giáo dục thể chất và Thể thao trường học (GDTC-TTTH), trong có 24 bài báo là của CBGV trong Trường.

- Công khai về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn năm học 2025-2026.

STT	Tên GT/TLTK/TBG	Nhóm biên soạn	Thời gian biên soạn
1	Tài liệu tham khảo " Huấn luyện kỹ thuật Cầu lông hiện đại "	TS. Hương Xuân Nguyên TS. Nguyễn Tiến Lợi ThS. Mai Thị Ngoãn ThS. Ngô Trung Dũng ThS. Kiều Quang Thuyết	T10/2022-T72023, gia hạn đến tháng 7/2026
2	Giáo trình " Teakwondo "	TS. Trần Dũng TS. Mai Tú Nam TS. Nguyễn Mạnh Toàn ThS. Lê Chí Nhân ThS. Nguyễn Tổ Quyên ThS. Ngô Bằng Giang ThS. Nguyễn Ngọc Tuấn ThS. Trần Hải Thanh	T10/2023-T10/2024, gia hạn đến tháng 7/2026
3	Giáo trình " Chạy cự ly ngắn và cự ly trung bình - dài "	GS.TS. Nguyễn Đại Dương TS. Phạm Anh Tuấn TS. PHạm Thị Hương	T8/2024-T5/2026, gia hạn đến tháng 12/2026

STT	Tên GT/TLTK/TBG	Nhóm biên soạn	Thời gian biên soạn
		ThS. Vũ Thị Trang ThS. Phạm Phi Diệp ThS. Đoàn Thanh Nam ThS. Phan Văn Huỳnh	
4	Giáo trình " Điền kinh các môn ném đẩy "	PGS.TS. Nguyễn Duy Quyết TS. Nguyễn Mạnh Toàn GS.TS Nguyễn Đại Dương ThS. Phạm Phi Diệp, ThS. Đoàn Thanh Nam, ThS. Lê Huy Hoàng, ThS. Phan Văn Huỳnh, ThS. Lê Học Liêm, ThS. Đoàn Hà Trung	T8/2024-T5/2026, gia hạn đến tháng 12/2026
5	Tài liệu tham khảo " Hệ thống bài tập hỗ trợ kỹ thuật các nội dung môn học Điền kinh "	PGS.TS. Phùng Xuân Dũng PGS.TS Nguyễn Duy Quyết TS. Phạm Anh Tuấn TS. Nguyễn Mạnh Toàn TS. Phạm Thị Hương, ThS. Phạm Phi Diệp, ThS. Đoàn Thanh Nam, ThS. Lê Huy Hoàng, ThS. Phan Văn Huỳnh, ThS. Đoàn Hà Trung, ThS. Vũ Thị Trang, ThS. Nguyễn Thị Hồng Phượng, ThS. Đặng Thị Kim Ngân, TS. Nguyễn Thanh Tùng	T8/2024-T5/2026, gia hạn đến tháng 12/2026
6	TBG " Pickleball "	TS. Nguyễn Thành Hưng, TS. Nguyễn Tiến Lợi ThS. Nguyễn Mai Thoan, ThS. Vũ Thị Thu Hà, ThS. Trần Chí Công, ThS. Nguyễn Thị Thu, ThS. Nguyễn Thị Thúy Ngân	T5/2025-T7/2026
7	TBG " Phương pháp dạy học môn giáo dục quốc phòng và an ninh "	ThS. Đoàn Khắc Hà, TS. Trần Văn Cường ThS. Lý Hoài Nam, ThS. Nguyễn Minh Tiến, Đại tá. Phan Tử Lăng, ThS. Dương Đăng Kiển, ThS. Phùng Thị Tâm Tinh, ThS. Mai Thiện Chí	T5/2025-T7/2026
8	Giáo trình " Tuyển chọn và đào tạo vận động viên "	PGS.TS Bùi Quang Hải, PGS.TS Nguyễn Duy Quyết, TS. Nguyễn Thu Nga, TS. Đỗ Mạnh Hưng, ThS. Nguyễn Hồng Minh, ThS. Đinh Thị Uyên	T9/2025- T3/2026, đã nghiệm thu
9	Giáo trình " Tuyển chọn và đào tạo vận động viên "	PGS.TS Nguyễn Duy Quyết, PGS.TS Bùi Quang Hải, TS. Nguyễn Thu Nga, ThS. Lê Nguyên Hoàn, ThS. Trần Thị Nhu, ThS. Lê Thị Thu Thúy	T9/2025- T3/2026, đã nghiệm thu
10	Tập bài giảng " Quan điểm của Đảng về quốc phòng, an ninh "	ThS. Đào Văn Minh, ThS. Nguyễn Tất Quân, TS. Trần Văn Cường, Trung tá Nguyễn Công	T8/2025- T5/2026

STT	Tên GT/TLTK/TBG	Nhóm biên soạn	Thời gian biên soạn
		Long, CN. Nguyễn Quốc Anh, ThS. Nguyễn Hoàng Long	
11	Tập bài giảng " Trung đội dân quân tự vệ bảo vệ và đánh chiếm mục tiêu khi bạo loạn "	ThS. Nguyễn Ngọc Sơn, ThS. Đoàn Khắc Hà, ThS. Lý Hoài Nam, ThS. Dương Đăng Kiển, ThS. Mai Thiện Chí, ThS. Nguyễn Đức Tiến	T8/2025- T5/2026
12	Giáo trình " Tin học "	ThS. Hoàng Thu Thủy, ThS. Ngô Xuân Đức, ThS. Lê Dung	T8/2025- T5/2026, đã nghiệm thu
13	Tập bài giảng " Thể thao quốc phòng và Võ thuật quân sự "	ThS. Dương Đăng Kiển, TS. Trần Văn Cường, ThS. Đoàn Khắc Hà, ThS. Mai Thiện Chí, TS. Trần Dũng	T8/2025- T5/2026
14	Sách tham khảo " Phương pháp Huấn luyện Bơi "	PGS. TS Nguyễn Duy Quyết ThS. Lê Mạnh Cường, ThS. Vũ Văn Thịnh ThS. Nguyễn Văn Thuật	T11/2025- T6/2026

- Công khai về đề tài KH&CN cấp bộ:

TT	Tên đề tài	Mã số	Chủ nhiệm	Tham gia	Thời gian thực hiện		Kinh phí NSNN (triệu đồng)
					Bắt đầu	Kết thúc	
1	B2023-TDH-02 "Giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên giáo dục thể chất ở các trường trung học cơ sở khu vực Trung du Bắc Bộ đáp ứng yêu cầu của chương trình phổ thông mới"	B2023-TDH-01	TS. Phạm Anh Tuấn	TS. Phạm Anh Tuấn TS. Tô Tiến Thành ThS. Phạm Phi Diệp ThS. Đặng Đình Dũng ThS. Ngô Thanh Huyền ThS. Phạm Xuân Quý CN. Đỗ Thị Thêm	T01/2023	T12/2024, Gia hạn đến T6/2025	250
2	B2025-TDH-01 "Đánh giá thực trạng triển khai chương trình môn Giáo dục thể chất ở các trường tiểu học khu vực phía Bắc"	B2025-TDH-01	TS. Đỗ Mạnh Hưng	PGS.TS. Nguyễn Duy Quyết ThS. Ngô Xuân Đức TS. Nguyễn Mạnh Toàn ThS. Phạm Mai Vương Nguyễn Hồng Giang	T01/2025	T12/2026	300
3	B2025-TDH-02 "Nghiên cứu đề xuất quản lý hoạt động thực hành, thực tập cho sinh viên khối các trường đào tạo cử nhân sư phạm giáo dục thể chất đáp ứng yêu cầu Chương trình Giáo dục phổ thông 2018"	B2025-TDH-02	PGS.TS. Phùng Xuân Dũng	ThS. Trần Thị Nhu ThS. Ngô Xuân Đức ThS. Nguyễn Thị Hằng ThS. Trần Văn Cường PGS.TS. Nguyễn Quang Vinh HVCH. Phùng Khắc Tuyền	T01/2025	T12/2026	420
4	B2026-TDH-01 "Đánh giá hiệu quả triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn giáo dục thể chất khu vực phía Bắc"	B2026-TDH-01	PGS.TS. Nguyễn Duy Quyết	ThS. Ngô Xuân Đức TS. Nguyễn Mạnh Toàn ThS. Lê Học Liêm ThS. Nguyễn Thị Hằng TS. Nguyễn Thành Hưng Lê Huy Cừ	T01/2026	T12/2027	380

- Công khai về đề tài cấp cơ sở

TT	Tên đề tài	Mã số	Chủ nhiệm	Tham gia	Thời gian thực hiện		Kinh phí (VNĐ)
					Bắt đầu	Kết thúc	
1	Biện pháp nâng cao kỹ năng thích ứng với môi trường học tập của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội	T2025-TDH-02	ThS. Ngô Thanh Huyền	ThS. Hà Thị Kim Oanh ThS. Lê Nguyên Hoàn ThS. Nguyễn Hồng Minh	T01/2025	T12/2025	Hỗ trợ 3 triệu /đề tài
2	Nghiên cứu bài tập phát triển thể lực chuyên môn cho sinh viên chuyên sâu Quần Vợt khóa 55 Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội	T2025-TDH-05	ThS. Trần Chí Công		T01/2025	T12/2025	Hỗ trợ 3 triệu/đề tài
3	Một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả học tập môn học sinh lý thể dục thể thao cho sinh viên khóa 57 Trường đại học sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội	T2025-TDH-07	ThS. Trần Đình Tường	CN. Nguyễn Trần Minh Chi	T01/2025	T12/2025	Hỗ trợ 3 triệu/đề tài
4	Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng Tạp chí khoa học Giáo dục thể chất và Thể thao trường học Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội	T2025-TDH-09	TS. Tô Tiến Thành	ThS. Ngô Xuân Đức ThS. Tạ Thị Phương CN. Nguyễn Thị Vân CN. Nguyễn Thị Lê	T01/2025	T12/2025	Hỗ trợ 3 triệu/đề tài
5	Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ thể lực học phần 1 và 2 cho sinh viên chuyên ngành Bóng chuyền ngành Huấn luyện thể thao Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội	T2025-TDH-10	ThS. Nguyễn Văn Duyệt	ThS. Đào Xuân Anh ThS. Lê Thị Thu Hương	T01/2025	T12/2025	Hỗ trợ 3 triệu/đề tài
6	Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá kết quả học tập môn chuyên sâu Bóng rổ học phần I và II cho sinh viên chuyên ngành Huấn luyện thể thao Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội	T2025-TDH-11	ThS. Phạm Duy Hải	ThS. Lê Mạnh Linh ThS. Phạm Ngọc Tú ThS. Nguyễn Thị Huyền	T01/2025	T12/2025	Hỗ trợ 3 triệu/đề tài
7	Nghiên cứu bài tập phát triển sức bền tốc độ cho sinh viên chuyên sâu Bóng đá năm thứ 2 ngành Huấn luyện thể thao Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội	T2025-TDH-12	ThS. Nguyễn Hoàng Việt	TS. Trần Ngọc Minh CN. Hoàng Thị Châu	T01/2025	T12/2025	Hỗ trợ 3 triệu/đề tài
8	Xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn nam sinh viên đội tuyển Bóng đá Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội	T2025-TDH-13	ThS. Phạm Minh	ThS. Nguyễn Văn Đông	T01/2025	T12/2025	Hỗ trợ 3 triệu/đề tài
9	Nghiên cứu biện pháp nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên ngành giáo dục thể chất Trường Đại	T2025-TDH-01	ThS. Lê Thị Thuy Thúy	TS. Nguyễn Thu Nga ThS. Trần Đình Phòng ThS. Đình Thị Uyên ThS. Vũ Thanh Hiền	T01/2025	T12/2026	Hỗ trợ 3 triệu/đề tài

TT	Tên đề tài	Mã số	Chủ nhiệm	Tham gia	Thời gian thực hiện		Kinh phí (VNĐ)
					Bắt đầu	Kết thúc	
	học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018						
10	Nghiên cứu biện pháp nâng cao hiệu quả học tập môn học Lý luận và Phương pháp giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội	T2025-TDH-03	ThS. Lê Nguyên Hoàn	TS. Nguyễn Mạnh Toàn TS. Nguyễn Thu Nga ThS. Trần Thị Nhu ThS. Vũ Thanh Hiền	T01/2025	T12/2026	Hỗ trợ 3 triệu/đề tài
11	Nghiên cứu biện pháp nâng cao hiệu quả học tập học phần II môn thể dục Aerobic cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội	T2025-TDH-04	ThS. Nguyễn Tùng Lâm	ThS. Phạm Mai Vương	T01/2025	T12/2026	Hỗ trợ 3 triệu/đề tài
12	Ứng dụng Google Forms nhằm nâng cao chất lượng dạy học học phần Sinh lý học Thể dục thể thao tại Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội	T2025-TDH-06	ThS. Nguyễn Thị Thoa	TS. Đỗ Anh Tuấn	T01/2025	T12/2026	Hỗ trợ 3 triệu/đề tài
13	Nghiên cứu ứng dụng một số phương pháp nhằm thúc đẩy quá trình hồi phục sau tập luyện và thi đấu cho sinh viên đội tuyển Cầu lông Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội	T2025-TDH-08	TS. Nguyễn Tiến Lợi	ThS. Mai Thị Ngoãn ThS. Nguyễn Phương Linh ThS. Đặng Hải Linh ThS. Phạm Ngọc Quân	T01/2025	T12/2026	Hỗ trợ 3 triệu/đề tài
14	Thực trạng và biện pháp điều chỉnh stress trước thi đấu cho nữ sinh viên đội tuyển Karate Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội	T2026-TDH-01	TS. Phạm Thị Thanh Hương	TS. Mai Tú Nam ThS. Nguyễn Mạnh Đạt	T01/2026	T12/2026	Hỗ trợ 10 triệu/đề tài
15	Nghiên cứu bài tập phát triển sức bền chuyên môn chạy cự ly 1500m cho nam sinh viên đội tuyển Điền kinh Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội	T2026-TDH-02	ThS. Nguyễn Văn Tuyền	TS. Đỗ Mạnh Hưng ThS. Vũ Thị Trang ThS. Nguyễn Thị Hồng Phượng	T01/2026	T12/2026	Hỗ trợ 10 triệu/đề tài
16	Nghiên cứu biện pháp nâng cao kỹ năng giao tiếp sư phạm cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội	T2026-TDH-03	ThS. Hà Thị Kim Oanh	ThS. Ngô Thanh Huyền ThS. Vũ Thanh Hiền	T01/2026	T12/2026	Hỗ trợ 10 triệu/đề tài
17	Nghiên cứu biện pháp quản lý hoạt động dạy học đối với giảng viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cho sinh viên ngành Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội	T2026-TDH-05	ThS. Đoàn Khắc Hà	TS. Chu văn Hạc ThS. Nguyễn Hoàng Long CN. Nguyễn Thị Hiền	T01/2026	T12/2026	Hỗ trợ 10 triệu/đề tài

TT	Tên đề tài	Mã số	Chủ nhiệm	Tham gia	Thời gian thực hiện		Kinh phí (VNĐ)
					Bắt đầu	Kết thúc	
18	Nghiên cứu biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động ngoại khóa cho sinh viên ngành Giáo dục Quốc phòng và An ninh tại Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội	T2026-TDH-06	TS. Trần Văn Cường	ThS. Hoàng Minh Thủy ThS. Phùng Thị Tâm Tình	T01/2026	T12/2026	Hỗ trợ 10 triệu/đề tài
19	Nghiên cứu bài tập bổ trợ nâng cao kỹ thuật Ném lao cho sinh viên chuyên ngành Điền kinh K57 Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội	T2026-TDH-08	ThS. Phan Văn Huynh	TS. Trần Ngọc Minh ThS. Nguyễn Thị Hồng Phượng ThS. Lã Huy Hoàng	T01/2026	T12/2026	Hỗ trợ 10 triệu/đề tài
20	Nghiên cứu biện pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức tại Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số	T2026-TDH-09	ThS. Nguyễn Văn Hưng	ThS. Nguyễn Thành Chung ThS. Lưu Thị Hải Yến ThS. Nguyễn Doãn Tùng CN. Trần Hà Vy CN. Lê Quỳnh Hòa	T01/2026	T12/2026	Hỗ trợ 10 triệu/đề tài
21	Nghiên cứu bài tập phát triển sức mạnh tốc độ cho nam sinh viên đội tuyển Cầu lông Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội	T2026-TDH-10	ThS. Đặng Thu Hằng	ThS. Lại Triệu Minh	T01/2026	T12/2026	Hỗ trợ 10 triệu/đề tài
22	Nghiên cứu lựa chọn bài tập nâng cao hiệu quả nhóm đòn đá trước cho nam sinh viên đội tuyển Taekwondo Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội	T2026-TDH-11	TS. Trần Dũng	PGS.TS. Trần Tuấn Hiếu TS. Lưu Thị Như Quỳnh	T01/2026	T12/2026	Hỗ trợ 10 triệu/đề tài
23	Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội	T2026-TDH-12	PGS.TS. Trần Tuấn Hiếu	TS. Nguyễn Khắc Dược TS. Phùng Mạnh Cường ThS. Phạm Thị Linh ThS. Trương Công Đức	T01/2026	T12/2026	Hỗ trợ 10 triệu/đề tài
24	Ứng dụng phương pháp "Task-based Teaching" trong giảng dạy Tiếng Anh nhằm cải thiện kỹ năng nói cho sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội	T2026-TDH-04	ThS. Nguyễn Hoàng Yến	ThS. Nguyễn Thị Hoài Mỹ ThS. Lê Dung CN. Nguyễn Thị Ninh	T01/2026	T12/2027	Hỗ trợ 10 triệu/đề tài
25	Xây dựng quy trình hồi phục sau tập luyện cho sinh viên chuyên ngành Điền kinh Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội	T2026-TDH-07	TS. Đỗ Anh Tuấn	ThS. Quách Thị Ngọc Hà	T01/2026	T12/2027	Hỗ trợ 10 triệu/đề tài

- Công khai về Công tác tạp chí

- Xuất bản 4 số Tạp chí Giáo dục thể chất và Thể thao trường học tổng 57 bài báo:
- + Tạp chí số 03 năm 2025 với 14 bài báo
- + Tạp chí số 04 năm 2025 với 15 bài báo
- + Tạp chí số 01 năm 2026 với 14 bài báo
- + Tạp chí số 02 năm 2026 với 14 bài báo

c) Các kết quả chuyển giao tri thức, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ khởi nghiệp: Không

Trên đây là báo cáo thực hiện quy định công khai trong hoạt động năm học 2025 – 2026, Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:

- ĐU (để báo cáo);
- Các PHT (để biết);
- Các phòng/Khoa, TT, đơn vị liên quan (để biết);
- Website Trường (để đăng tải);
- Lưu: VT, KT&ĐBCL.



PGS.TS. Nguyễn Duy Quyết